

CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN SÀI GÒN BÌNH DƯƠNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN,
QUY MÔ 50 GIƯỜNG BỆNH”**

Địa chỉ: Số 39, đường Hồ Văn Cống, Khu phố 4, xã Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN SÀI GÒN
BÌNH DƯƠNG

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



NGUYỄN VĂN TIỀN

BÌNH DƯƠNG, THÁNG/2022

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC BẢNG	iv
DANH MỤC CÁC HÌNH	v
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1. Thông tin về cơ sở:	1
2. Tên cơ sở:	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....	2
3.1. Công suất, sản phẩm hoạt động của cơ sở:.....	2
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:	2
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	3
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:.....	12
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	15
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):.....	15
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):.....	15
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	19
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có):	19
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	19
1.2. Thu gom, thoát nước thải:	19
1.3. Xử lý nước thải:.....	22
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:.....	27
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	28
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	29
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):	31
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	31
6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải	31
6.2. Các biện pháp tổng thể ứng phó sự cố rò rỉ và tràn đổ hóa chất	31
6.3. Các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ	33
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG....	36
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):	36
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):	37

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	37
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	38
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.	38
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.	38
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	41
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:.....	41
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	41
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:.....	41
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	41
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	41
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	42
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	43
PHỤ LỤC BÁO CÁO	44

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ tài nguyên và môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
Công ty, cơ sở	Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương
BOD	Nhu cầu ôxy sinh hoá
N	Nitơ
P	Photpho
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
CTNH	Chất thải nguy hại
NĐ – CP	Nghị định chính phủ
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
UBND	Ủy ban nhân dân
CNT	Chủ nguồn thải

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Danh mục máy móc, thiết bị của Công ty.....	3
Bảng 2. Danh mục vật tư y tế, hóa chất sử dụng.....	4
Bảng 3. Tổng nhu cầu cấp nước trong 1 ngày.....	12
Bảng 4. Các hạng mục công trình của cơ sở	12
Bảng 5. Phân bố khu vực chức năng và diện tích của từng tầng của bệnh viện	13
Bảng 6. Chỉ số, đánh giá chất lượng nước trên suối Giữa năm 2022.....	16
Bảng 7. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt tự động trạm Thủ Dầu Một.....	17
Bảng 8. Kết quả quan trắc không khí	18
Bảng 9. Chỉ số, đánh giá chất lượng nước trên suối Giữa năm 2022.....	20
Bảng 10. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt tự động trạm Thủ Dầu Một (Sông Sài Gòn) năm 2022	21
Bảng 11. Kết quả quan trắc chất lượng nguồn nước tiếp nhận của công ty năm 2022	21
Bảng 12. Kích thước, cấu tạo của các bể trong HTXLNT	26
Bảng 13. Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh	29
Bảng 14. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh	29
Bảng 15. Chỉ tiêu phân tích và quy chuẩn xả nước thải cho phép	36
Bảng 16. Kết quả quan trắc nước thải năm 2021	38
Bảng 17. Kết quả quan trắc vi khí hậu và không khí năm 2021	38
Bảng 18. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường.....	41

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. Quy trình khám chữa bệnh của bệnh viện	2
Hình 2. Sơ đồ hệ thống thu gom thoát nước mưa của công ty	19
Hình 3. Hệ thống thu gom nước thải tại Công ty	22
Hình 4. Quy trình xử lý nước thải cục bộ tại Công ty	24
Hình 5. Hệ thống xử lý nước thải tại công ty	26
Hình 6. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại	30
Hình 7. Quy trình ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất	33
Hình 8. Sơ đồ quy trình ứng phó đối với sự cố cháy nổ	35

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Thông tin về cơ sở:

- Tên chủ cơ sở: CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN SÀI GÒN BÌNH DƯƠNG
- Địa chỉ: Số 39, đường Hồ Văn Cống, Khu phố 4, xã Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông NGUYỄN VĂN TIÊN
- Điện thoại: 0274. 3 864 673-4 Fax: 0274. 3 864 672
- Giấy chứng đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên mã số: 3700711558 cấp đăng ký lần đầu ngày 26/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 30/09/2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

2. Tên cơ sở:

- Tên dự án: **“Bệnh viện đa khoa tư nhân, quy mô 50 giường bệnh”**
- Tên cơ sở: CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN SÀI GÒN BÌNH DƯƠNG
- Địa điểm cơ sở: Số 39, đường Hồ Văn Cống, Khu phố 4, xã Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có):
 - + Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 364/QĐ-STNMT ngày 17 tháng 04 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương của dự án “Bệnh viện đa khoa tư nhân Á Châu, quy mô 50 giường bệnh”. Theo công văn số 4077/STNMT – CCBVMT của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương thì Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương được sử dụng lại đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty TNHH Bệnh viện Á Châu.
 - + Giấy xác nhận Hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 4891/STNMT-CCBVMT cấp 24/10/2018 của của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bình Dương xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết “Bệnh viện đa khoa tư nhân Á Châu, quy mô 50 giường bệnh”.
 - + Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 74.000857.T do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/11/2013.
 - + Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 166/GP – STNMT ngày 06/12/2019 do Sở Tài Nguyên môi và môi trường cấp với lưu lượng 30 m³/ngày đêm, thời hạn 3 năm.
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm C được phân loại theo tiêu chí qui định của pháp luật về đầu tư công và không

thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường có phát sinh nước thải, bụi, khí thải được xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Tổng vốn đầu tư: 34 tỷ đồng.

- Lý do lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường: Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của công ty sắp hết thời hạn sử dụng, tuy nhiên công ty vẫn đang hoạt động và có nhu cầu xả nước thải. Vì thế, công ty lập thủ tục cấp giấy phép môi trường để có thể tiếp tục xả nước thải vào nguồn nước theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020.

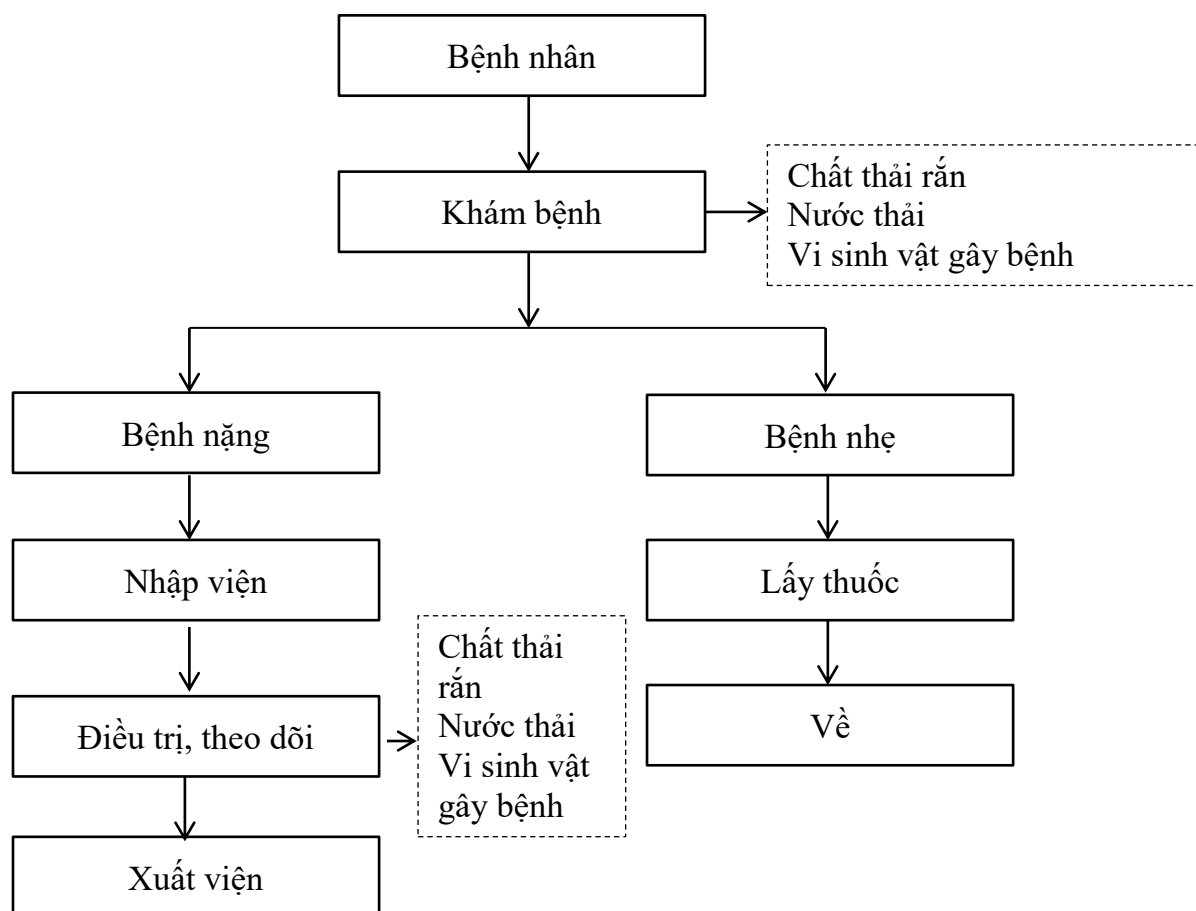
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất, sản phẩm hoạt động của cơ sở:

Khả năng tiếp nhận và khám chữa bệnh ngoại trú khoảng 100 lượt bệnh nhân/ngày và điều trị nội trú với quy mô tối đa 50 giường.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Quy trình khám chữa bệnh của bệnh viện như sau:



Hình 1. Quy trình khám chữa bệnh của bệnh viện

Thuyết minh quy trình:

Bệnh nhân đến bệnh viện sẽ được nhân viên bệnh viện tiếp chu đáo, đưa vào các khoa phù hợp để khám theo nhu cầu của bệnh nhân. Nếu sau khi khám, chẩn đoán bệnh nặng thì bệnh nhân sẽ được nhập viện để bác sĩ điều trị và theo dõi. Nếu bệnh nhẹ, bệnh nhân sẽ nhận thuốc theo đơn của bác sĩ và uống thuốc điều trị tại nhà.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

❖ **Nhu cầu máy móc, thiết bị**

Để phục vụ cho hoạt động khám và chữa bệnh, Công ty đã đầu tư các máy móc, thiết bị y tế và hiện nay vẫn đang tiếp tục sử dụng. Các loại máy móc, thiết bị y tế và số lượng từng loại được trình bày cụ thể trong bảng bên dưới:

Bảng 1. Danh mục máy móc, thiết bị của Công ty

STT	TÊN MÁY MÓC, THIẾT BỊ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
1	Bàn mổ đại phẫu	Cái	3
2	Bàn mổ tiểu phẫu	Cái	3
3	Đèn mổ 4 bóng treo trần	Cái	2
4	Máy monitoring	Cái	2
5	Máy hút đàm	Cái	3
6	Máy gây mê kèm giúp thở tự động	Cái	2
7	Kính hiển vi	Cái	1
8	Máy sinh hóa bán tự động	Cái	1
9	Máy phân tích huyết học tự động	Cái	1
10	Máy ly tâm	Cái	1
11	Máy lọc nước	Cái	1
12	Máy phẫu thuật Phaco	Cái	1
13	Kính hiển vi phẫu thuật	Cái	1
14	Đèn khe	Cái	1
15	Javal kế	Cái	1
16	Siêu âm mắt A- B	Cái	1
17	Laser Yag	Cái	1

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Bệnh viện đa khoa tư nhân, quy mô 50 giường bệnh”

STT	TÊN MÁY MÓC, THIẾT BỊ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
18	Bàn khám mắt	Cái	2
19	Hộp kính thử độ	Cái	1
20	Gọng kính thử độ	Cái	1
21	Máy chiếu thị lực	Cái	1
22	Dụng cụ vi phẫu mắt	Cái	2
23	Máy đo tật khúc xạ	Cái	1
24	Bàn khám tai - mũi - họng	Cái	2
25	Kính hiển vi phẫu thuật tai mũi họng	Cái	1
26	Máy cắt đốt trong phẫu thuật	Cái	1
27	Nội soi chẩn đoán	Cái	1
28	Nội soi phẫu thuật	Cái	1
29	Bộ phẫu thuật tai	Cái	1
30	Máy soi và phẫu thuật thanh quản	Cái	1
31	Máy mổ xoang	Cái	1
32	Máy siêu âm	Cái	3
33	Máy điện tim	Cái	2
34	Máy CT	Cái	1
35	Máy X-Quang	Cái	1
36	Xe đưa đón bệnh nhân	Cái	1
37	Xe cứu thương	Cái	1

(Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương, 2022)

❖ **Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất:**

Bảng 2. Danh mục vật tư y tế, hóa chất sử dụng

TT	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	ĐVT/NĂM	SỐ LƯỢNG/NĂM
1	Dây truyền dịch 20 giọt có màng lọc	Sợi	4
2	Kim lùn tĩnh mạch số 22	Cái	297
3	Dây truyền dịch 20 giọt	Sợi	3.670
4	Cidezyme Solution 1L	Lít	1,01

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Bệnh viện đa khoa tư nhân, quy mô 50 giường bệnh”

TT	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	ĐVT/NĂM	SỐ LƯỢNG/NĂM
5	Presept 2.5g	Viên	1.200
6	Băng cá nhân Urgo	Miếng	5565
7	Băng cuộn 0.07 x 3	Cuộn	118
8	Băng keo chỉ thị	Cuộn	2
9	Băng keo Syval 2.5 x 5	Cuộn	158
10	Bơm tiêm 10CC	Cây	2.440
11	Bơm tiêm 1CC	Cây	362
12	Bơm tiêm 20CC	Cây	221
13	Bơm tiêm 3CC	Cây	3115
14	Bơm tiêm 50CC đầu nhỏ	Cây	22
15	Bơm tiêm 50CC đầu to	Cây	15
16	Bơm tiêm 5CC	Cây	2373
17	Chromic 2/0 C30A26	Tép	1
18	Chromic 3/0 C25A26	Tép	19
19	Dao mổ 10	Cây	85
20	Dây hút nhót có khóa số 14	Sợi	63
21	Đè lưỡi tiết trùng	Que	1793
22	Gạc tiết trùng 5 x 6.5 x 12L	Gói	411
23	Gạc tiết trùng 8 x 10 x 12L	Gói	268
24	Gạc xếp 10 x 10 x 6L	Miếng	9488
25	Găng tay khám bệnh size M	Đôi	6130
26	Găng tay PT tiết trùng số 7 - Supermax	Đôi	761
27	Găng tay PT tiết trùng số 7.5 - Supermax	Đôi	373
28	Giấy siêu âm UPP - 110S	Cuộn	15
29	Povidine 10% 500ml	ml	29.790
30	Khẩu trang y tế	Cái	2118
31	Kim chích 18	Cây	2139
32	Kim luồn 22	Cây	297
33	Kim luồn 24	Cây	360

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Bệnh viện đa khoa tư nhân, quy mô 50 giường bệnh”

TT	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	ĐVT/NĂM	SỐ LƯỢNG/NĂM
34	Bột 4 in	Cuộn	31
35	Merocel Xomed	Miếng	15
36	Nylon 3/0 M25E26	Tép	25
37	Ống đặt NKQ số 7 Hudson	Cái	13
38	Ống đặt NKQ số 7.5 Hudson	Cái	7
39	Silk 1/0 S40D36	Tép	15
40	Silk 2/0 S30A26	Tép	2
41	Silk 3/0 S20E18	Tép	6
42	Sonde foley 12	Sợi	27
43	Povidin 10% 20ml	Chai	299
44	Spongostan STD 70 x 50 x 10mm	Miếng	8
45	Túi nước tiểu có quai treo	Cái	49
46	Vicryl 2/0 W9121	Tép	2
47	Vicryl 4/0 W9113	Tép	6
48	Vicryl 5/0 W9105	Tép	5
49	Ariway số 1	Cái	19
50	Ariway số 2	Cái	62
51	Bộ xung khí dung NL TE 1494	Cái	7
52	Mask gây mê NL 1125	Cái	2
53	Mask oxy NL có kẹp mũi, có dây 1115	Cái	36
54	Mask oxy TE có dây và kẹp mũi - 1196	Cái	5
55	OXY 2.5/11M3 Công nghiệp	Lít	72.300
56	Natriclorid 0.9% 500ml	Chai	303
57	Găng tay PT tiệt trùng số 6.5 Việt Hưng	Đôi	88
58	Găng tay PT tiệt trùng số 7 Việt Hưng	Đôi	761
59	Găng tay PT tiệt trùng số 7.5 Việt Hưng	Đôi	373
60	Giấy điện tim 3 cần	Cuộn	1
61	Dây hút nhót có khóa số 8	Sợi	22

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Bệnh viện đa khoa tư nhân, quy mô 50 giường bệnh”

TT	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	ĐVT/NĂM	SỐ LƯỢNG/NĂM
62	Dao mổ 15	Cây	103
63	Bao nội soi camera	Cái	20
64	Khẩu trang phẫu thuật	Cái	709
65	Nón phẫu thuật nữ	Cái	1.246
66	Penrose	Sợi	4
67	Kim luồn 18	Cây	11
68	Kim chích 23	Cây	68
69	Nylon Alcon 10/0	Tép	7
70	Nylon 2/0 M30E26	Tép	11
71	Nylon 4/0 M15E18	Tép	24
72	Nylon 5/0 M10E16	Tép	8
73	Nylon 6/0 M07E13	Tép	11
74	Cồn y tế 70 độ	Lít	312
75	Cồn y tế 90 độ	Lít	6
76	Gel chườm nóng lạnh	Cái	5
77	Bàn chải phẫu thuật	Cái	5
78	Oxy già 60ml	Chai	28
79	Băng thun 2 móc	Cuộn	38
80	Băng thun 3 móc	Cuộn	58
81	Dây Garo	Sợi	17
82	Dây oxy 2 nhánh (NL)	Sợi	80
83	Dây oxy 2 nhánh (TE)	Sợi	4
84	Gạc băng mắt	Miếng	586
85	Gạc dẫn lưu 0.01 x 2 x 4 (Methe mũi)	Cuộn	75
86	Gạc PT có sợi cản quang 30 x 40 x 8L	Miếng	482
87	Gạc Vaseline	Miếng	64
88	Nước cất	Lít	191
89	Sonde Nelaton 12	Sợi	6
90	Bột 6 in	Cuộn	13
91	Gòn không thấm nước	kg	0,5
92	Bột 5 in	Cuộn	4

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Bệnh viện đa khoa tư nhân, quy mô 50 giường bệnh”

TT	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	ĐVT/NĂM	SỐ LƯỢNG/NĂM
93	Giấy y tế	kg	38
94	Lam kính nhám	Cái	71
95	Ống nghiệm không nắp	Ống	100
96	Tăm bông lon	Lon	50
97	Hộp đựng vật sắc nhọn 6.8	Cái	4
98	Dây hút dịch PT	Sợi	64
99	Đầu dò cắt amidan 5874 - 01	Cái	5
100	Kim Chích 26 1 1/2	Cái	35
101	Quicktick (que thử thai)	Que	2
102	Mask gây mê NL 1123	Cái	2
103	Ống nối đa năng	Cái	8
104	Bơm tiêm Omican 100UI	Cây	17
105	Kính bảo hộ	Cái	80
106	Nẹp cẳng tay	Cái	25
107	Đai cột sống	Cái	12
108	Đai xương đòn	Cái	3
109	Gel siêu âm	Lít	8
110	Chromic 5/0 C15E12	Tép	3
111	Thủy tinh thể C - flex 19.0D	Cái	1
112	Băng rôn	Cái	21
113	Kẹp rôn	Cái	10
114	Bộ đồ trẻ sơ sinh	Bộ	10
115	Ống dẫn lưu ổ bụng	Cái	11
116	Găng tay khám bệnh size S	Đôi	2.066
117	Novofine Needle 31g (H/100)	Cái	219
118	Nạng gỗ	Cái	4
119	Dao mổ số 11 (Nhật)	Cây	448
120	Dao mổ số 10 (Nhật)	Cây	85
121	Dây Truyền dịch (tp)	Sợi	1.846
122	Kim chọc dò 27 (Braun)	Cây	9
123	Tạp dề nylon	Cái	3

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Bệnh viện đa khoa tư nhân, quy mô 50 giường bệnh”

TT	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	ĐVT/NĂM	SỐ LƯỢNG/NĂM
124	Tấm lót mông giấy	Cái	42
125	Dây 3 chia 1 mét	Cái	22
126	Dao 15(Nhật)	Cái	103
127	Băng keo giấy	Cuộn	17
128	Dao đốt điện 3 chấu	Cái	65
129	Miếng dán điện tim (máy Monitor)	Miếng	300
130	Formol 1L	ml	100
131	Rọ lấy sỏi 3.0Fr 4Wires, dài 90 cm (Stone Basket)	Cái	4
132	Giấy in nhiệt 57mm	Cuộn	24
133	Ống NKQ số 4 (TP)	Cái	84
134	Chỉ Caresorb 1 (40,90)	Tép	32
135	Gòn viên nhỏ (bịch 500g)	Gam	7.850
136	Prolene Mesh 6 x 11 H/3	Miếng	2
137	Bộ dụng cụ cắt trĩ PPH03	Bộ	3
138	Bơm tiêm 3cc (kim 23)	Cái	3.080
139	Bơm tiêm 5cc (kim 23)	Cái	493
140	Edta xanh	Chiếc	1.886
141	Ống Citrat	Chiếc	244
142	Ống Heparin	Chiếc	2.300
143	Ống Serum	Chiếc	317
144	Lọ đựng nước tiểu	Chiếc	1.038
145	Đầu col xanh	Bịch	100
146	Đầu col vàng	Cái	700
147	Que thử nước tiểu Mission	Test	649
148	HbsAg	Test	648
149	Anti Hbs	Test	50
150	HbeAg	Test	25
151	HCV	Test	422
152	Dengue IgM+IgG	Test	22
153	HIV	Test	118

TT	TÊN VẬT TƯ, HÓA CHẤT	ĐVT/NĂM	SỐ LƯỢNG/NĂM
154	Troponin I	Test	17
155	Dengue NS1	Test	154
156	Que đường huyết Ultra	Que	63
157	Kim đường máu mao mạch	Cái	106
158	Steranios 2%. Can 5 lít	ml	31.00
159	Anios LUB (1 lít)	ml	2.090
160	Phim DI-HT Fuji 26x36cm (Hộp/100)	Tấm	1.000
161	Phim DI-HT Fuji 20x25cm (Hộp/100)	Tấm	900
162	Khẩu trang N95	Cái	198
163	Dao mổ 2,8mm	Cái	12
164	Que thử HAV	Test	105
165	Que thử HEV	Test	98
166	Dermanios Scub Chlohexidine (Can/5lít)	ml	16.500
167	Gạc dẫn lưu Meche nội soi 1,5x80x12	Miếng	22
168	Clip titan Pilling-Weck h/160	Cái	23
169	Que tăm bông làm huyết trắng	Que	50
170	Que gòn xn thân gỗ dài 17cm	Cây	26
171	Cloramin B	Kg	750
172	Dầu DO	Lít	500

(Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương, 2022)

❖ **Nguồn cung cấp điện**

Quá trình hoạt động của Công ty chủ yếu sử dụng nguồn điện từ lưới điện quốc gia đã hạ thế có điện áp 220V chạy dọc theo tuyến đường Hồ Văn Cống. Lượng điện tiêu thụ hàng tháng phụ thuộc vào số lượng bệnh nhân đến khám, chữa bệnh.

Tổng nhu cầu điện của Công ty khoảng 18.000 Kwh/ tháng *(Theo hoá đơn điện năm 2021, 2022)*.

❖ **Nguồn cung cấp nước**

Nguồn cung cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt và khám chữa bệnh của bệnh viện sẽ do Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Dương cung cấp, thông qua hệ thống cấp nước của khu vực.

Nhu cầu nước sử dụng chủ yếu của bệnh viện phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của bệnh nhân, người thân, cán bộ nhân viên; hoạt động của căn tin; hoạt động khám chữa bệnh, phòng xét nghiệm, phẫu thuật; tưới cây xanh trong khuôn viên; dự trữ cho phòng cháy chữa cháy.

Đối với quá trình tráng rửa phim X- Quang của khoa chẩn đoán hình ảnh, bệnh viện sử dụng công nghệ rửa ảnh kỹ thuật số, không có công đoạn rửa phim nên không sử dụng nước cho công đoạn này.

Nhu cầu cấp nước cho bệnh viện quy mô 50 giường:

- Nước cấp phục vụ cho hoạt động khám chữa bệnh từ các phòng ban, nước phục vụ cho mục đích sinh hoạt của bệnh nhân, thân nhân, khách thăm được tính theo tiêu chuẩn Tiêu chuẩn TCVN 4470:2012 – Bệnh viện đa khoa- Tiêu chuẩn thiết kế: lượng nước cấp cho bệnh viện cho 1 giường bệnh là $q = 400$ lít/giường bệnh (đã bao gồm lượng nước dùng cho quá trình khám và điều trị bệnh tại các khoa chức năng, nước thải sinh hoạt của bệnh nhân, nước dùng cho quá trình giặt giũ y phục, vệ sinh phòng bệnh, ...). Số giường bệnh $N = 50$ giường, như vậy lượng nước cấp cần thiết cấp theo bệnh nhân và thân nhân (tính trên 1 giường bệnh): $Q_{GB} = q \times N$ $Q_1 = 400 \text{ lít/ngày.giường} \times 50 \text{ giường} = 20.000 \text{ lít/ngày} = 20 \text{ m}^3/\text{ngày}$

- Nước cấp cho sinh hoạt của bệnh nhân khám và điều trị ngoại trú (số lượng bệnh nhân ngoại trú khoảng 100 người/ngày): trung bình 1 người sử dụng 15 lít/ngày. Như vậy lượng nước cấp cần thiết cho bệnh nhân ngoại trú: $Q_2 = 15 \text{ lít/người} \times 100 \text{ người} = 1500 \text{ lít/ngày} = 1,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$

- Nước cấp cho nhân viên làm việc trong bệnh viện (69 nhân viên) được tính theo QCVN 01:2021/BXD, lượng nước sử dụng 80 lít/người: $Q_3 = 80 \text{ lít/người} \times 69 \text{ người} = 5520 \text{ lít/ngày} = 5,52 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Lượng nước cấp cho nhà ăn: Ước tính 1 ngày khoảng 100 suất ăn, tương ứng với chỉ tiêu dùng nước là 18 l/suất $Q_4 = 100 \times 18 \text{ l/ngày} = 1,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nước phục vụ tưới cây: Chỉ tiêu cấp nước cho hoạt động tưới tiêu của dự án cho một lần tưới là 3 lít/m² /ngày (QCVN 01:2021/BXD).

$$Q_t = 3 \text{ lít/m}^2/\text{ngày} \times 1000 \text{ m}^2 = 3.000 \text{ lít/ngày} = 3 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Vậy tổng nhu cầu sử dụng nước của cơ sở được thể hiện chi tiết trong bảng:

Bảng 3. Tổng nhu cầu cấp nước trong 1 ngày

TT	Đối tượng phục vụ	Số lượng	Tiêu chuẩn sử dụng (lít/người/ngày đêm)	Tổng cộng (m ³ /ngày. đêm)
1	Khám, điều trị nội trú	50 giường	400 lít/ngày.giường	20
2	Khám, điều trị ngoại trú	100 lượt/ngày	15 lít/người	1,5
3	Cán bộ nhân viên	69 người	80 lít/người	5,52
4	Nhà ăn	100 suất/ngày	18 l/suất	1,8
5	Tưới cây	1000 m ²	3 lít/m ² /ngày	3
Tổng cộng				31,82

Ngoài ra, công ty còn xây dựng 1 bể chứa nước để dự trữ cho hoạt động phòng cháy chữa cháy với tổng thể tích là 100 m³.

❖ Nhu cầu lao động

Nhu cầu nhân sự của của bệnh viện là 69 người. Trong đó:

- Nhân viên văn phòng : 12
- Bác sỹ và Y tá : 32
- Nhân viên bán thuốc : 05
- Bảo vệ - lái xe - tạp vụ : 20
- Thời gian làm việc 24/24 ngày

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương (trước đây là Công ty TNHH Bệnh viện Á Châu) được thực hiện trên diện tích 3.000 m² bao gồm các hạng mục công trình như sau:

Bảng 4. Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích	Tỉ lệ (%)
1	Toà nhà 1 trệt và 6 tầng lầu thực hiện hoạt động khám chữa bệnh. Phân khu chức năng từng tầng được thể hiện ở Bảng 5	m ²	500	16.67
2	Nhà bảo vệ	m ²	10	0.33

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích	Tỉ lệ (%)
3	Căn teen	m ²	40	1.33
4	Khu vực để xe máy, ô tô	m ²	50	1.67
5	Nhà để máy phát điện	m ²	16	0.53
6	Hệ thống xử lý nước thải	m ²	20	0.67
7	Kho chứa chất thải sinh hoạt	m ²	8	0.27
8	Kho chứa chất thải nguy hại	m ²	8	0.27
7	Cây xanh	m ²	1.000	33,3
8	Đường nội bộ	m ²	1.348	44.93
	Tổng diện tích	m²	3.000	100

(Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương, 2022)

Phân bố khu vực chức năng và diện tích của từng tầng của bệnh viện được trình bày ở bảng sau:

Bảng 5. Phân bố khu vực chức năng và diện tích của từng tầng của bệnh viện

STT	TẦNG	DIỆN TÍCH (M ²)	PHÂN KHU CHỨC NĂNG
1	Tầng trệt	377	Tiếp tân-thu ngân-quầy thuốc; Phòng Marketing; Phòng kế toán; Phòng chụp Xquang; Phòng chụp CT Scanner; Khu cấp cứu. Kho cơ khí Phòng khí y tế
2	Tầng 1	478,36	Phòng khám Nội soi tiêu hoá Phòng khám ngoại P. Thu ngân 2 Phòng răng hàm mặt 1 Phòng khám mắt Phòng siêu âm – Điện tim & Thính lực Phòng tiêm chủng Phòng Tai mũi họng Phòng
3	Tầng 2	368,66	Phòng xét nghiệm; Phòng khám theo yêu cầu Phòng khám phụ khoa Phòng chò sanh

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Bệnh viện đa khoa tư nhân, quy mô 50 giường bệnh”

4	Tầng 3	385,64	Phòng giám đốc; Văn phòng công ty; Hội trường; Kho dược, vật tư y tế, kho tổng hợp.
5	Tầng 4	416,66	Khoa phẫu thuật Khu vô trùng Khu hậu phẫu
6	Tầng 5	438,40	Khu điều trị nội trú
7	Tầng 6	438,40	Khu điều trị nội trú
8	Sân thượng	101,50	Nhà giặt

(Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương, 2022)

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Công ty TNHH bệnh viện đa khoa Sài Gòn tọa lạc ở vị trí đắc địa, dân cư đông đúc, giao thông đi lại thuận tiện do vậy rất thuận lợi cho việc đi lại thăm khám chữa bệnh của người dân.

Khu đất hiện hữu của Công ty TNHH bệnh viện đa khoa Sài Gòn đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 163250 ngày 27/9/2010 với tổng diện tích 3.000 m². Mục đích sử dụng đất là đất cơ sở y tế. Do vậy, vị trí của bệnh viện hoàn toàn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương.

Bên cạnh đó dự án cũng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường số 364/QĐ-STNMT cho dự án “Bệnh viện Đa khoa tư nhân Á Châu, quy mô 50 giường bệnh” (*Nay đổi tên thành Bệnh viện đa khoa Sài Gòn Bình Dương theo công văn số 4077/STNMT –CCBVMT ngày 03/12/2013*)

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

❖ Về nước thải

➤ Hệ thống thoát nước mưa

Công ty đã xây dựng hệ thống cống ngầm xung quanh khuôn viên nhằm thu gom toàn bộ lượng nước mưa từ trên mái đổ xuống và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dẫn về hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực. Hệ thống cống thoát nước mưa của Công ty được xây bằng vật liệu bê tông cốt thép chịu lực, có đường kính 300mm, với độ dốc $i = 0,5\%$. Cống thoát nước mưa được bố trí dọc bên ngoài tòa nhà và đầu nối vào hệ thống thoát nước của đường Hồ Văn Cống, đổ về Suối Giữa sau đó đổ ra sông Sài Gòn.

➤ Hệ thống thoát nước thải

Toàn bộ nước thải phát sinh đều được công ty thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống PVC có đường kính 114 mm. Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A) được phép thải trực tiếp ra Suối Giữa, sau đó chảy về Sông Sài Gòn. (*Đã được Sở Tài Nguyên môi và môi trường cấp phép theo Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 166/GP – STNMT ngày 06/12/2019 do với lưu lượng 30 m³/ngày đêm, thời hạn 3 năm*)

➤ Đặc điểm và khả năng chịu tải của Suối Giữa

Suối Giữa bắt nguồn từ khu vực phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam, đổ vào sông Sài Gòn tại Chánh Mỹ. Suối Giữa có

tổng chiều dài khoảng 4km, gần như nằm trọn trong địa giới hành chính của thành phố Thủ Dầu Một. Lưu lượng dòng chảy trung bình năm của suối Giữa khoảng 3,97 m³/s;

Theo số liệu kết quả quan trắc và đánh giá chỉ số chất lượng (WQI) các kênh rạch trên địa bàn tỉnh Bình Dương 6 tháng đầu năm 2022, cho thấy chất lượng nước mặt suối Giữa có xu hướng ổn định so với cùng kỳ năm trước. Kết quả đánh giá, phân loại chất lượng nước mặt trong 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

Bảng 6. Chỉ số, đánh giá chất lượng nước trên suối Giữa năm 2022

Thời điểm	Tên điểm quan trắc	WQI	Màu	Đánh giá chất lượng nước
Tháng 1/2022	Suối Giữa tại cầu suối Giữa	79	Xanh lá cây	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp
Tháng 2/2022		67	vàng	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
Tháng 3/2022		68	vàng	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
Tháng 4/2022		78	Xanh lá cây	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp
Tháng 5/2022		86	Xanh lá cây	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp
Tháng 6/2022		79	Xanh lá cây	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp

(Nguồn: Trang web sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương, 2022)

Nhận xét: Theo số liệu kết quả đánh giá chất lượng nước mặt tự động trạm Thủ Dầu Một (Suối Giữa) trong 6 tháng đầu năm 2022 không có nhiều biến động. Nhìn chung chất lượng nước sông vẫn đạt tiêu chuẩn dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các mục đích sử dụng như loại B1 và B2.

➤ **Đặc điểm và khả năng chịu tải của sông Sài Gòn**

Sông Sài Gòn bắt nguồn từ hồ Dầu Tiếng chảy qua địa phận tỉnh Bình Dương – chủ yếu là huyện Dầu Tiếng, thị xã Bến Cát trên địa hình gò đồi thấp đổ vào sông Sài Gòn tại toạ độ 106035’30”E, 1102’32”N nơi giáp ranh giữa thị xã Bến Cát và huyện Củ Chi trên địa hình đồng bằng sinh lầy trũng thấp. Sông dài khoảng 100km, có nhiều phụ lưu nhỏ với diện tích lưu vực rộng 1.000 km². Hầu hết toàn bộ chiều dài con sông đều chảy trên các tràm tích tụ với độ dốc nhỏ. Đoạn này dòng sông có hướng chảy chính Bắc – Nam,

uốn khúc với cung độ lớn, một vài nơi có khúc ngoặt hẹp. Chiều rộng lòng sông tại khu vực này thu hẹp dần từ cửa sông đến thượng nguồn. Rộng nhất là khu vực Ngã ba sông Sài Gòn – Thị Tính khoảng 70 – 80m, đoạn giữa hẹp dần khoảng 50 – 60m và đến khu vực Cầu Đá chiều rộng chỉ còn khoảng 30 – 40m. Vận tốc dòng chảy trên sông Sài Gòn thay đổi từ 1,5 – 2 m/s phụ thuộc theo mùa. Sông Sài Gòn chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều với biên độ dao động mực nước lên xuống thay đổi từ 1 – 3 m. Mực nước cao nhất +4m, thấp nhất +1m. Do ảnh hưởng của thủy triều, một số nơi dọc theo 2 bờ sông của hạ nguồn gần cửa sông có thể bị ngập nước trong những ngày triều cường, đặc biệt vào mùa mưa. Đặc trưng dòng chảy của sông Sài Gòn như sau :

- Dòng chảy lũ: Lũ ở sông Sài Gòn xuất hiện vào tháng 8, 9, 10, 11 với tổng lượng nước mùa lũ 6,8 – 6,9 tỷ m³. Mực nước lũ biến động nhiều (H_{max} = 124-148cm) phụ thuộc vào lượng nước phía thượng lưu về và lượng mưa tại chỗ, lũ càng kéo dài thì mức độ trượt lở bờ càng lớn. Về mùa lũ vận tốc dòng chảy rất lớn là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình trượt lở bờ sông Sài Gòn (V_{max} = 1.74 – 2.10m/s).

- Dòng chảy kiệt: Mùa kiệt ở sông Sài Gòn bắt đầu từ tháng 1 đến tháng 6, còn tháng 7 và tháng 12 là tháng chuyển tiếp, tổng lượng nước mùa kiệt từ 2,81 – 2,87 tỷ m³. Dòng chảy kiệt chịu ảnh hưởng của thủy triều biển Đông. Do biên độ triều khá lớn (2,5 – 3,0m) nên khi triều rút sẽ gây mất ổn định bờ.

- Chế độ thủy triều của sông Sài Gòn: Chế độ thủy triều ở sông Sài Gòn thuộc chế độ bán nhật triều không đều với chu kỳ 12,83h, mực nước đỉnh triều biến động từ 96 đến 128cm và mực nước chân triều biến động từ -211 cm đến -122cm. Sự chênh lệch mực nước này tạo ra dòng thấm gây mất ổn định bờ.

Bảng 7. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt tự động trạm Thủ Dầu Một (Sông Sài Gòn) năm 2022

Thời điểm	Kết quả các chỉ tiêu quan trắc (mg/l)		
	pH	Nitrat	TSS
Tháng 2/2022	5,3 – 6,2	2	4 - 101
Tháng 3/2022	5,8 – 6,3	1,4	6 – 161
Tháng 4/2022	5,4 – 6,1	1,2	30,3 – 165,9
Tháng 5/2022	4,5 – 6,1	2,4	13,4 – 130,9
Tháng 6/2022	5,4 – 6,1	1,48	7,43 – 145,1
QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột A2)	6 – 8,5	5	30

(Nguồn: trang web sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương, 2022)

Nhận xét: Theo số liệu kết quả đánh giá chất lượng nước mặt tự động trạm Thủ Dầu Một (Sông Sài Gòn) trong 6 tháng đầu năm 2022 cho thấy nước sông vẫn đạt chất lượng theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột A2).

Nước thải phát sinh từ hoạt động của bệnh viện sẽ được xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột A sau đó nước thoát ra suối Giữa --> sông Sài Gòn để không làm ảnh hưởng nhiều đến chất lượng nước mặt của suối Giữa và sông Sài Gòn.

❖ **Về môi trường không khí**

Trong quá trình hoạt động bệnh viện luôn tuân thủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Chất lượng không khí được trình bày trong bảng sau:

Bảng 8. Kết quả quan trắc không khí

TT	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số						
			Bụi	CO	SO ₂	NO ₂	NH ₃	H ₂ S	THC
			mg/m ³						
1	Khu vực cổng bảo vệ (BV)	BV01.03	0,13	1,97	0,034	0,020	KPH	KPH	2,59
		BV25.10	0,15	2,23	0,041	0,03	KPH	KPH	3,08
2	Khu vực lâm sàn (LS)	LS 01.03	0,39	1,87	0,047	0,029	KPH	KPH	7,54
		LS 25.10	0,42	2,05	0,067	0,037	KPH	KPH	8,11
3	Khu vực cấp cứu (CC)	CC 01.03	0,51	1,69	0,040	0,025	KPH	KPH	9,26
		CC 25.10	0,55	1,87	0,059	0,041	KPH	KPH	5,53
4	Khu vực phẫu thuật hậu phẫu PT	PT 01.03	0,30	1,42	0,038	0,018	KPH	KPH	5,34
		PT 25.10	0,38	1,73	0,041	0,032	KPH	KPH	4,29
QCVN 02:2019/BYT			4,687	--	--	--	--	--	--
QCVN 03:2019/BYT				15,62	3,9	3,9	13,28	7,8	234,37

Nhận xét:

Theo kết quả đo đạc chất lượng môi trường không khí định kỳ của bệnh viện cho thấy các chỉ tiêu quan trắc có giá trị và nồng độ nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 02:2019/BYT và QCVN 03:2019/BYT.

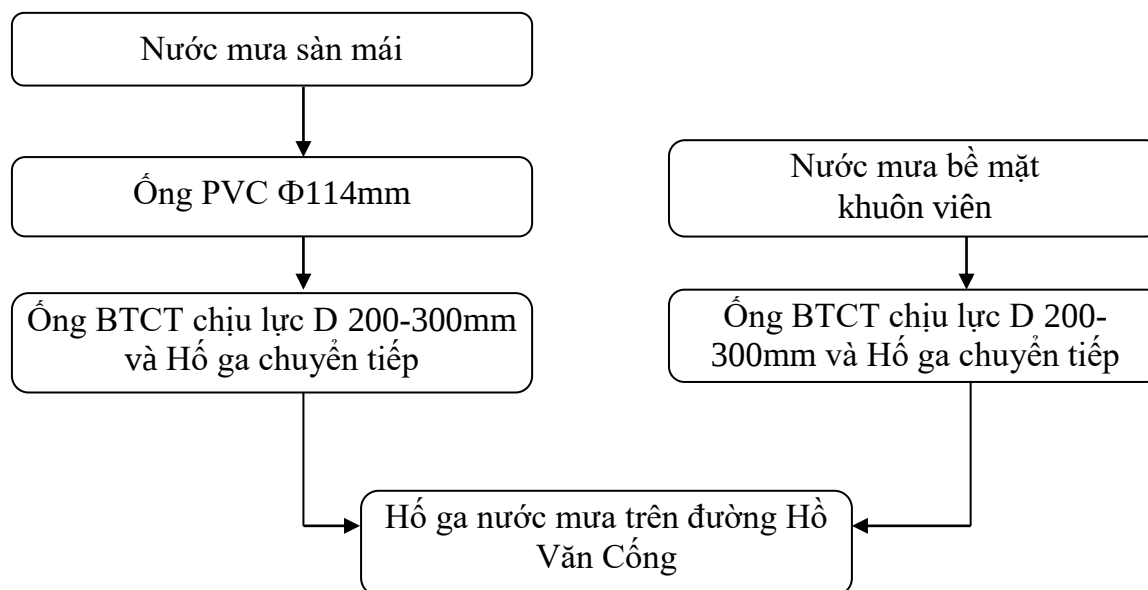
❖ **Về chất thải rắn**

Chất thải phát sinh do hoạt động của các công ty bao gồm: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, ...được thu gom, lưu trữ và chuyển giao cho đơn vị thu gom xử lý theo đúng quy định, không gây ảnh hưởng đến môi trường.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có):

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:



Hình 2. Sơ đồ hệ thống thu gom thoát nước mưa của công ty

Công ty đã xây dựng hệ thống cống ngầm xung quanh khuôn viên nhằm thu gom toàn bộ lượng nước mưa từ trên mái đổ xuống và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dẫn về hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực.

Nước mưa từ mái nhà và các công trình sẽ được thu gom bằng máng xối và sử dụng ống nhựa PVC Ø114mm để đưa xuống đất và dẫn vào các hố ga.

Dọc theo đường thoát nước mưa, Công ty có bố trí các hố ga với kích thước 600x600mm, miệng hố ga được lắp các thanh chắn nhằm giữ lại rác bị cuốn trôi, hạn chế tình trạng tắc nghẽn và tăng khả năng tiêu thoát nước. Toàn bộ nước mưa chảy tràn của công ty sẽ theo hệ thống ống BTCT D 200-300mm và được đấu nối vào hố ga chuyển tiếp của Công ty. Cống thoát nước mưa được bố trí dọc bên ngoài tòa nhà và đấu nối vào hệ thống thoát nước của đường Hồ Văn Cống, đổ về Suối Giữa sau đó đổ ra sông Sài Gòn.

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

Trong quá trình hoạt động của Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương phát sinh nước thải từ các nguồn chủ yếu sau đây:

- + Nước thải sinh hoạt.
- + Nước thải y tế (Nước thải từ phòng phẫu thuật và xét nghiệm được thu gom và xử lý riêng như chất thải nguy hại).
- + Nước thải từ căn tin.

Căn cứ lượng nước cấp sử dụng tại bảng 3. Tổng nhu cầu cấp nước trong 1 ngày, với lưu lượng thải bằng 100% nước cấp thì tổng lượng nước thải là 28,82 m³/ngày. Hệ thống xử lý nước thải hiện tại của công ty vẫn đáp ứng được khả năng xử lý lượng nước thải phát sinh.

- Toàn bộ nước thải phát sinh như bảng trên đều được công ty thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống BTCT D 150mm. Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A) được phép thải trực tiếp ra Suối Giữa, sau đó chảy về Sông Sài Gòn.

- Điểm xả nước thải sau xử lý: Nước thải sau xử lý đạt chuẩn Công ty sẽ xả thải ra suối Giữa, dẫn ra sông Sài Gòn. Theo số liệu kết quả quan trắc và đánh giá chỉ số chất lượng (WQI) các kênh rạch trên địa bàn tỉnh Bình Dương 6 tháng đầu năm 2022, cho thấy chất lượng nước mặt sông Sài Gòn có xu hướng ổn định so với cùng kỳ năm trước. Kết quả đánh giá, phân loại chất lượng nước mặt trong 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

Bảng 9. Chỉ số, đánh giá chất lượng nước trên suối Giữa năm 2022

Thời điểm	Tên điểm quan trắc	WQI	Màu	Đánh giá chất lượng nước
Tháng 1/2022	Suối Giữa tại cầu suối Giữa	79	Xanh lá cây	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp
Tháng 2/2022		67	vàng	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
Tháng 3/2022		68	vàng	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
Tháng 4/2022		78	Xanh lá cây	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp
Tháng 5/2022		86	Xanh lá cây	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp
Tháng 6/2022		79	Xanh lá cây	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp

(Nguồn: trang web sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương, 2022)

- Theo số liệu kết quả quan trắc chất lượng nước mặt tự động trạm Thủ Dầu Một (Sông Sài Gòn) trong 6 tháng đầu năm 2022 không có nhiều biến động. Nhìn chung, hầu hết nồng độ các thông số quan trắc được tại trạm quan trắc nước mặt tự động Thủ Dầu Một trên sông Sài Gòn đều đạt QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột A2) và đạt tiêu chuẩn dùng

cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các mục đích sử dụng như loại B1 và B2.

Bảng 10. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt tự động trạm Thủ Dầu Một (Sông Sài Gòn) năm 2022

Thời điểm	Kết quả các chỉ tiêu quan trắc (mg/l)		
	pH	Nitrat	TSS
Tháng 2/2022	5,3 – 6,2	2	4 - 101
Tháng 3/2022	5,8 – 6,3	1,4	6 – 161
Tháng 4/2022	5,4 – 6,1	1,2	30,3 – 165,9
Tháng 5/2022	4,5 – 6,1	2,4	13,4 – 130,9
Tháng 6/2022	5,4 – 6,1	1,48	7,43 – 145,1
QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột A2)	6 – 8,5	5	30

(Nguồn: trang web sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương, 2022)

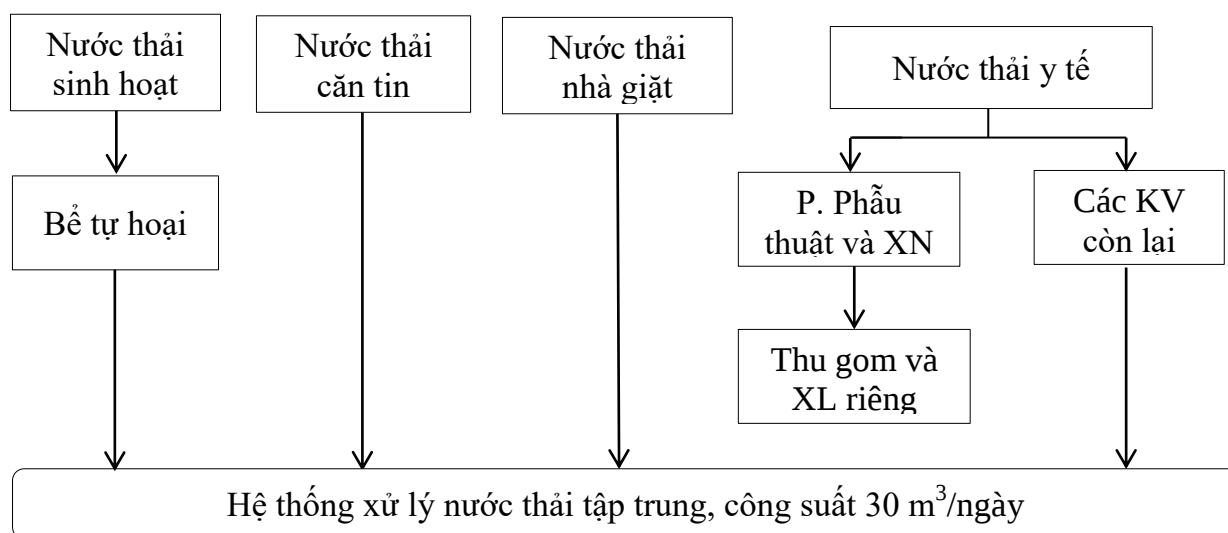
Trong quá trình hoạt động, Công ty cũng đã quan trắc chất lượng nguồn nước tiếp nhận theo giấy phép xả thải đã được cấp. Vị trí quan trắc: 1 điểm trên suối Giữa cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn.

Bảng 11. Kết quả quan trắc chất lượng nguồn nước tiếp nhận của công ty năm 2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 08-MT:2015/BTNMT Cột A2
			02/3/2022	02/6/2022	
1	pH	-	6,89	7,13	6 – 8,5
2	COD	mg/L	13	9	15
3	BOD ₅	mg/L	5	4	6
4	TSS	mg/L	27	18	30
5	Amoni	mg/L	0,21	0,16	0,3
6	Nitrat	mg/L	0,94	0,56	5
7	Phosphat	mg/L	0,18	0,047	0,2
8	Tổng dầu mỡ	mg/L	KPH	KPH	0,3

(Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương, 2022)

Nhận xét: Từ các số liệu kết quả trên cho thấy, chất lượng nguồn nước tại suối Giữa và đoạn sông Sài Gòn đi qua suối Giữa rất tốt, đủ điều kiện và khả năng tiếp tục tiếp nhận nguồn nước thải của Công ty.



Hình 3. Hệ thống thu gom nước thải tại Công ty

1.3. Xử lý nước thải:

➤ **Bể tự hoại**

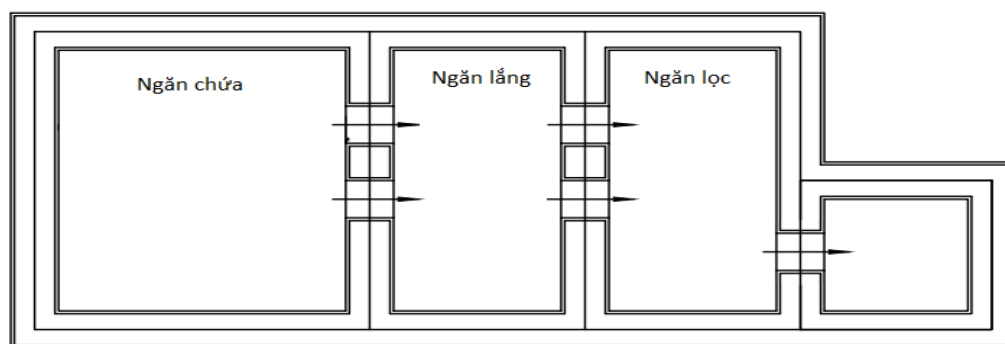
Hiện tại, Công ty đã có 3 bể tự hoại 03 ngăn với thể tích là 10m³/bể, phù hợp với lượng nước thải phát sinh của Công ty để xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào HTXLNT của Công ty.

Bể tự hoại có dạng hình chữ nhật, nước thải từ các khu vệ sinh thoát xuống bể tự hoại và qua lần lượt các ngăn trong bể, các chất cặn lơ lửng dần dần lắng xuống đáy bể. Cặn lắng giữ trong bể từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất hòa tan. Nước thải lắng trong bể với thời gian dài đảm bảo hiệu suất lắng cao.

Sau khi qua bể tự hoại, nồng độ các chất hữu cơ trong nước thải giảm khoảng 30%, riêng các chất lơ lửng hầu như được giữ lại hoàn toàn. Bùn trong bể tự hoại định kỳ hợp đồng với các đơn vị có chức năng đưa đi xử lý theo đúng quy định.

Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

Cấu tạo bể tự hoại như sau:



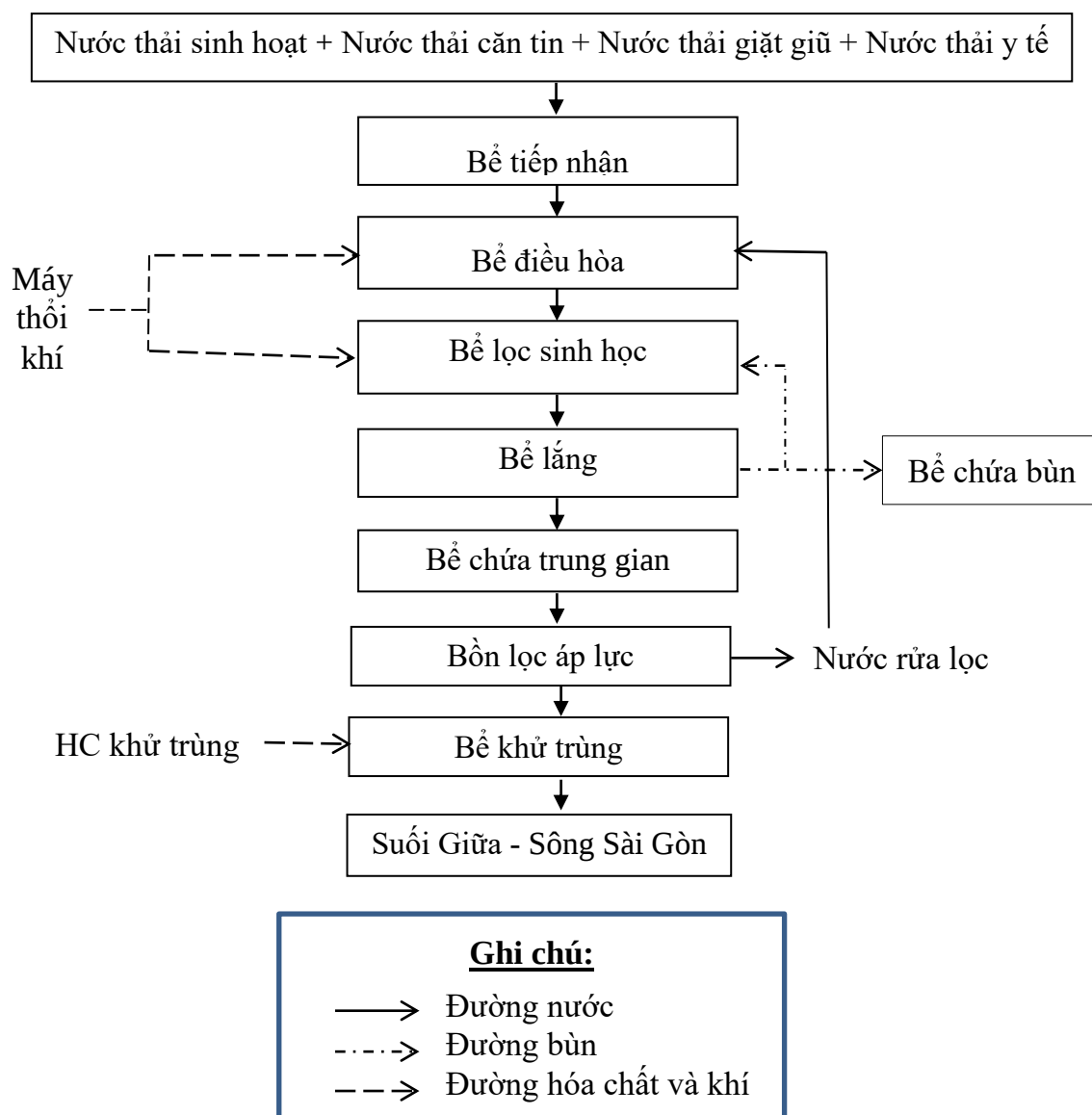
Hình 4. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

➤ ***Hệ thống xử lý nước thải***

Công ty đã lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Công ty trước khi thải ra môi trường. Hệ thống xử lý nước thải tập trung được xây dựng tại vị trí phía sau khuôn viên của Công ty, có công suất 30 m³/ngày.

Hệ thống xử lý nước thải công suất 30m³/ngày.đêm của công ty đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo giấy xác nhận số 4891/STNMT-CCBVMТ ngày 24/10/2018.

Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý được trình bày cụ thể như sau:



Hình 5. Quy trình xử lý nước thải cục bộ tại Công ty

Thuyết minh quy trình:

Nước thải sinh hoạt, nước thải căn tin, nước thải giặt giũ và nước thải y tế của Công ty được thu gom và cho tự chảy về bể tiếp nhận. Tại các nơi phát sinh nước thải đều được trang bị lược rác để tránh làm ảnh hưởng đến hoạt động của bơm.

Bể tiếp nhận: Chứa nước thải trước khi bơm qua bể điều hòa.

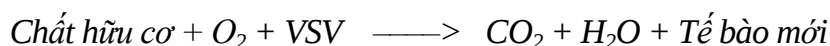
Bể điều hòa:

Tại bể này nước thải được xáo trộn để điều hòa lưu lượng, nồng độ tạo môi trường đồng nhất cho dòng nước thải, tránh hiện tượng lắng cặn trong bể phát sinh ra mùi hôi. Khi nước thải ổn định sẽ được cho bơm qua bể tiếp theo.

Bể lọc sinh học:

Lọc sinh học sử dụng vi sinh vật để phân hủy những hợp chất hữu cơ thành CO₂, H₂O và muối. Khi bắt đầu tiến hành, vi sinh vật đã có sẵn trong nguyên liệu mà ở đó nó được sử dụng như một lớp lọc. Vi sinh vật có vai trò quan trọng trong việc phân hủy các dạng của hợp chất hữu cơ và dẫn xuất halogen...

Quá trình xử lý trong bể là quá trình phân hủy các chất hữu cơ trong nước thải đồng thời xảy ra quá trình nitrat hóa. Tại đây lượng oxy hòa tan được đưa vào thông qua máy thổi khí và hệ thống phân phối khí bọt mịn (đĩa thổi khí) nằm dưới đáy bể. Dưới tác dụng của vi sinh vật hiếu khí, các chất hữu cơ có trong nước thải sẽ bị phân hủy thành các chất vô cơ đơn giản, làm giảm nồng độ COD và BOD khoảng 60 -70%. Quá trình xảy ra theo phản ứng sau:



Quá trình sinh trưởng phát triển ở giai đoạn đầu giảm dần về cuối bể. Sau khi sục khí trong thời gian khoảng 8 - 9h thì nước thải được tự chảy qua bể lắng.

Bể lắng sinh học:

Tương tự như bể lắng hóa lý, bể lắng sinh học có tác dụng lắng cặn từ bể sinh học hiếu khí. Nước thải ra khỏi bể lắng có nồng độ COD và BOD giảm khoảng 70 – 75% (hiệu quả lắng đạt 85 – 95%). Phần nước trong sẽ được thu bởi hệ thống ống thu nước bề mặt và chảy qua bể khử trùng để bơm lên lọc áp lực. Phần bùn hoạt tính được bơm tuần hoàn cung cấp lại bể sinh học hiếu khí, phần bùn dư được bơm qua bể chứa bùn. Bùn được xả định kỳ và chuyển cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Bể trung gian: Có nhiệm vụ chứa nước sau bể lắng để bơm lên thiết bị lọc loại bỏ SS.

Bồn lọc áp lực:

Có chứa vật liệu đỡ (sỏi lớn) và vật liệu lọc (cát, sỏi nhỏ) có chức năng lọc phần còn lại của nước thải sau bể lắng. Sau một thời gian hoạt động, cần rửa lọc để duy trì hiệu quả của bể lọc, nước rửa lọc được dẫn về bể điều hòa.

Bể khử trùng:

Tại bể này, nước thải được châm hóa chất khử trùng để tiêu diệt các vi sinh vật có hại trong nước thải và kiểm soát lượng Coliform. Thời gian tiếp xúc để loại bỏ vi sinh khoảng 20 – 40 phút. Nước ra bể khử trùng được dẫn ra cống thu gom nước thải tập trung, sau đó được thải ra môi trường (nguồn tiếp nhận: suối Giữa - sông Sài Gòn) đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT cột A với K là 1,2.

Bảng 12. Kích thước, cấu tạo của các bể trong HTXLNT

TT	Các hạng mục công trình	Vật liệu	Thể tích max (m ³)
1	Bể tiếp nhận	BTCT, nắp đan	0,8 x 1,2 x 2,3 = 2,21
2	Bể điều hòa	BTCT, nắp đan	1,9 x 2,6 x 2,3 = 11,36
3	Bể lọc sinh học	BTCT, nắp đan	4 x 2,6 x 2,3 = 23,92
4	Bể lắng	BTCT, nắp đan	1,3 x 1,1 x 2,3 = 3,29
5	Bể chứa trung gian	BTCT, nắp đan	1,3 x 0,55 x 2,3 = 1,64
6	Bể khử trùng	BTCT, nắp đan	1,3 x 0,55 x 2,3 = 1,64
7	Bể nén bùn	BTCT, nắp đan	0,8 x 1,3 x 2,3 = 2,39
TỔNG THỂ TÍCH CÁC BỂ			43,46 m³

(Nguồn: Công ty TNHH bệnh viện Sài Gòn Bình Dương, 2022)



Hình 6. Hệ thống xử lý nước thải tại công ty

Chế độ vận hành: Chế độ tự động và chế độ vận hành tay. Định kỳ Công ty sẽ bố trí bảo trì thường xuyên kiểm tra, sửa chữa để đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

Cách vận hành:

- Chế độ hoạt động tự động:
+ Tắt cả công tắc ở chế độ OFF
+ Cung cấp điện cho tủ điện điều khiển
+ Chuyển tất cả công tắc sang chế độ AUTO
+ Hệ thống sẽ hoạt động theo một chương trình đã được cài đặt sẵn, tuân theo nguyên tắc như sau:

- Bơm bể điều hòa, bơm bùn, định lượng, máy thổi khí, máy khuấy.
- Bơm lọc chạy theo phao

- Chế độ hoạt động bằng tay:
+ Tắt cả công tắc ở chế độ OFF
+ Cung cấp điện cho tủ điện điều khiển
+ Muốn thiết bị nào hoạt động thì chuyển công tắc tương ứng của thiết bị đó sang chế độ MAN.

- Hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành: Javel 10%

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Giảm thiểu khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng

Máy phát điện dự phòng chỉ hoạt động khi mất điện nên lượng khí thải phát sinh từ hoạt động của nó ít. Do đó, vấn đề ô nhiễm không khí từ nguồn phát sinh này không đáng lo ngại. Tuy nhiên, để giảm thiểu ảnh hưởng của máy phát điện Công ty đã xây dựng nhà chứa máy phát điện cách xa khu vực làm việc, lắp đặt ống khói (cao 5m, đường kính 10cm) để phát tán khí thải.

Giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện giao thông

Số lượng phương tiện giao thông được phép lưu thông trong khuôn viên Công ty rất ít nên tải lượng ô nhiễm từ nguồn này không đáng kể. Tuy nhiên, để giảm thiểu ảnh hưởng đến mức thấp nhất, Công ty đã bê tông hóa mặt đường nội bộ và bố trí nhà xe tại vị trí phù hợp nên không có khả năng gây ô nhiễm môi trường diện rộng. Đồng thời, Công ty đã trồng cây xanh xung quanh khuôn viên để cải thiện chất lượng môi trường không khí và hạn chế phát tán bụi.

Giảm thiểu mùi phát sinh từ quá trình khám bệnh, điều trị và tẩy rửa

Mùi sinh ra tại Công ty chủ yếu gồm mùi từ dung môi khử trùng (Cloramin, cồn,

ete,...) ở khu vực thanh trùng, phòng xét nghiệm; mùi thuốc kháng sinh; mùi các dịch vị; mùi do sự phân hủy chất hữu cơ; mùi của nước thải, rác thải; mùi và khí thải từ khu vực nhà chứa rác, HTXL nước thải.

Để giảm thiểu mùi phát sinh từ quá trình hoạt động, Công ty đã thực hiện một số biện pháp sau:

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại được thu gom liên tục và chứa vào các thùng rác có nắp đậy, sau đó đưa về lưu tại kho chứa riêng của từng loại chất thải;
- Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ thu gom rác thải, không để rác thải tồn đọng hoặc lưu chứa lâu tại nhà chứa gây mùi hôi;
- Trang bị hệ thống thông gió bằng quạt hút, tạo điều kiện thông thoáng tốt;
- Trồng cây xanh trong khuôn viên Công ty để cải thiện môi trường không khí;
- Thực hiện đúng quy định kỹ thuật về vô khuẩn, khử khuẩn, bao gồm các dụng cụ y tế, vệ sinh ngoại cảnh, vệ sinh khoa, vệ sinh cá nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm,...

Giảm thiểu tác động của bức xạ phát sinh từ hoạt động của phòng chụp X quang, CT Scanner

Nguyên lý làm việc của máy X quang, CT Scanner là tạo ra các tia bức xạ, các tia này có tác dụng chiếu chụp để chẩn đoán tình trạng cơ thể nhưng đồng thời nó có khả năng phá hủy tế bào, kích thích một số phản ứng có hại trong cơ thể và ngoài môi trường, gây ra những tác động có hại mang tính chất tiềm tàng. Để giảm thiểu các ảnh hưởng tiêu cực trên Công ty đã thực hiện một số biện pháp sau:

- Xây dựng phòng đặt các thiết bị khi hoạt động có phát ra các bức xạ tại khu vực riêng, cách xa nơi tập trung đông người;
- Lắp đặt biển báo tại phòng bức xạ và đèn tín hiệu phát sáng khi thiết bị bức xạ bắt đầu hoạt động;
- Kiểm định chất lượng của các thiết bị bức xạ định kỳ 1 lần/năm;
- Người không phận sự không được vào phòng bức xạ, nhân viên vận hành thiết bị bức xạ phải mang liều kế trong khi vận hành, thiết bị liều kế phải được kiểm định định kỳ;
- Trong khi chụp, tất cả nhân viên phải đứng trong phòng điều khiển có bảo vệ và có thể quan sát bệnh nhân qua kính chì;
- Cuối buổi làm việc, mở các cửa và bật quạt cho thông thoáng;
- Vệ sinh máy và dụng cụ làm việc thường xuyên.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Hiện tại chất thải rắn sinh hoạt được Công ty bố trí các thùng chứa nhựa có nắp đậy kín dung tích 150 lít và 240 lít thu gom rác ở phòng làm việc, phòng khám chữa bệnh.

Công trình lưu giữ chất thải: xây dựng kho chứa chất thải sinh hoạt có diện tích khoảng 4m². Kết cấu khu vực lưu chứa: tường xi măng + tole, mái lợp tole chống nóng, có cửa.

Công ty đang ký hợp đồng thu gom chất thải rắn sinh hoạt với Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty CP nước – môi trường Bình Dương đến thu gom và xử lý theo quy định.

Bảng 13. Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh

STT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Chất thải sinh hoạt	Kg/năm	22.635,6

(Nguồn: Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương, năm 2022)

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Các chất thải nguy hại phát sinh tại Công ty chủ yếu gồm chất thải y tế nguy hại từ quá trình khám bệnh, điều trị và phòng xét nghiệm – thí nghiệm như bông băng, găng tay, kim tiêm, dây truyền dịch,...

Công trình lưu giữ chất thải: xây dựng kho chứa chất thải nguy hại có diện tích khoảng 4m². Kết cấu khu vực lưu chứa: tường xi măng + tole, mái lợp tole chống nóng, có cửa. Bên trong kho chứa chia ra từng khu vực để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại phát sinh và trên mỗi khu vực dán nhãn ghi tên cụ thể từng loại chất thải nguy hại. Các loại chất thải được đựng trong thùng chứa nhựa có nắp đậy kín dung tích 150 lít và 240 lít.

Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 74.000857.T (cấp lần 2) ngày 22 tháng 11 năm 2013.

Công ty đã ký hợp đồng với Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty CP nước – môi trường Bình Dương đến thu gom và xử lý theo quy định.

Định kỳ cập nhật tình hình quản lý CTNH trong Báo cáo công tác bảo vệ môi trường với cơ quan chức năng.

Bảng 14. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh theo CNT (kg/năm)
1	Chất thải có tác nhân lây nhiễm: bệnh phẩm, kim tiêm, bông băng, gạc y tế, chai dịch truyền, dây truyền dích máu	Rắn	13 01 01	100

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Bệnh viện đa khoa tư nhân, quy mô 50 giường bệnh”

2	Bao tay, găng tay, giẻ lau dính thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	25
3	Bao bì cứng bằng nhựa dính thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	15
4	Bao bì cứng bằng kim loại thải dính thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	10
5	Các loại dung dịch và hóa chất nguy hại (hóa chất khử trùng, hóa chất tẩy rửa phim X quang, dung dịch vệ sinh)	Lỏng	13 01 02	200
6	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải, bao gồm hoặc chứa các chất nguy hại	Lỏng	19 05 02	12
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	3
8	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	2
9	Pin thải	Rắn	19 06 01	1
10	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Rắn	12 06 06	300
Tổng cộng				668

(Nguồn: Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương, năm 2022)



Hình 7. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):

Để hạn chế tiếng ồn và độ rung, Công ty đã áp dụng những biện pháp sau để không chế:

- Trồng nhiều cây xanh để giảm khả năng lan truyền của tiếng ồn ra các khu vực lân cận
- Định kỳ bảo dưỡng thiết bị máy móc
- Phân phối luồng xe vào ra nhà máy theo hướng giảm phát sinh tiếng ồn đồng thời
- Xây dựng nhà chứa máy phát điện bằng tường gạch, cách xa khu vực làm việc để giảm tiếng ồn lan ra xung quanh.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

Để giảm thiểu sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải được tập huấn về chương trình vận hành cũng như bảo dưỡng hệ thống;
- Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống;
- Thông thường, các sự cố xảy ra khi vận hành hệ thống xử lý nước thải là do máy bơm hoặc thiết bị dùng trong hệ thống bị hư hỏng. Vì vậy, để khắc phục sự cố, Công ty thường xuyên kiểm tra các thiết bị, máy bơm.

6.2. Các biện pháp tổng thể ứng phó sự cố rò rỉ và tràn đổ hóa chất

❖ An toàn khi bảo quản, sử dụng các loại nhiên liệu, hóa chất:

Để đảm bảo an toàn khi bảo quản các loại nhiên liệu, hóa chất Công ty áp dụng các biện pháp sau:

- Cần có hệ thống thông gió nhằm làm loãng hoặc hút sạch khí độc trong kho chứa để không gây ảnh hưởng sức khỏe cán bộ - nhân viên trong quá trình ra vào kho.
- Để tránh hiện tượng tràn đổ rò rỉ hóa chất, trong kho bảo quản phải sắp xếp các hóa chất ngay ngắn và theo từng khu vực riêng.
- Cần phải lưu trữ tất cả các hóa chất một cách thích hợp, đồng thời tách riêng những hóa chất dễ kết hợp với nhau gây cháy và lưu trữ ở khu vực khô ráo, thông thoáng, mát mẻ.

Để đảm bảo an toàn khi sử dụng các loại nhiên liệu, hóa chất Công ty áp dụng các biện pháp sau:

- Chỉ nên chuyển số lượng hóa chất vừa phải đến nơi làm việc, phần còn lại nên bảo

quản trong kho nhằm hạn chế đến mức thấp nhất xảy ra những rủi ro. Hóa chất đặt tại nơi làm việc cũng phải lưu trữ cẩn thận tránh gây ô nhiễm môi trường làm ảnh hưởng đến mọi người xung quanh.

- Sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp cho từng loại hóa chất như:

+ Dùng khẩu trang y tế hoặc mặt nạ phòng độc đối với các hóa chất độc hại dễ bay hơi;

+ Sử dụng quần áo, găng tay, ủng chống hóa chất đối với hóa chất có khả năng gây bỏng, kích thích da;

+ Đối với hóa chất dễ cháy nổ: phải áp dụng các biện pháp phòng chống cháy nổ phù hợp như cách nguồn nhiệt, nguồn lửa, nơi làm việc phải thông thoáng.

- Giữ gìn cơ thể và nơi làm việc sạch sẽ. Sau khi tiếp xúc với hóa chất phải được rửa sạch bằng xà phòng và nước. Cần lau chùi bề mặt nơi làm việc ít nhất 1 lần trong ca làm việc để giảm nguy cơ bị ô nhiễm.

❖ Công tác ứng cứu sự cố tràn đổ nhiên liệu, hóa chất:

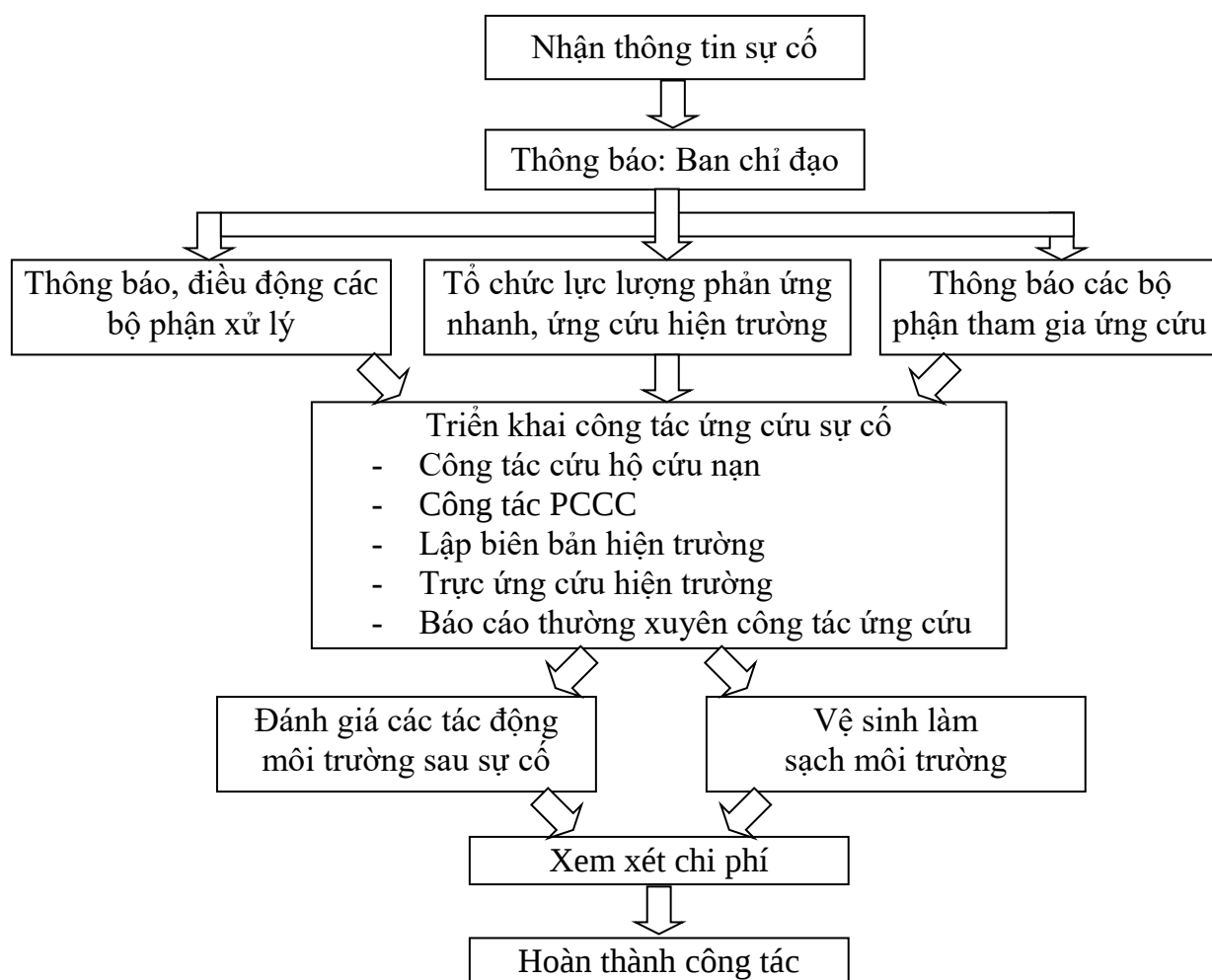
Khi xảy ra sự cố tràn đổ rò rỉ hóa chất cần phải thực hiện ngay các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sau:

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: hủy bỏ tất cả các nguồn đánh lửa, thông gió điện tích tràn đổ hóa chất, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi tiến hành xử lý, thu hồi hóa chất tràn đổ vào thùng chứa chất thải nguy hại kín;

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: hủy bỏ tất cả các nguồn đánh lửa, thông gió khu vực rò rỉ hoặc tràn, mang thiết bị phòng hộ cá nhân phù hợp, cô lập khu vực tràn đổ, nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực tràn đổ hóa chất. Thu hồi hóa chất tràn đổ và chứa trong thùng chứa chất thải nguy hại kín. Nước rửa làm sạch khu vực tràn đổ rò rỉ không được xả ra hệ thống thoát nước chung. Ngăn ngừa bụi hóa chất và giảm thiểu sự tán xạ bằng nước hoặc phun ẩm.

3. Trong kho bảo quản hóa chất Công ty có sử dụng điện chiếu sáng, đường dây điện được thiết kế đúng theo TCVN 5507:2002. Tuyệt đối không sử dụng dụng cụ, thiết bị có khả năng gây ra tia lửa điện do ma sát hay va đập.

Quy trình ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất:



Hình 8. Quy trình ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất

6.3. Các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

❖ Phòng chống sự cố cháy nổ:

Cháy nổ có thể xảy ra từ rất nhiều nguyên nhân, để phòng tránh sự cố cháy nổ, Công ty sẽ tiến hành thực hiện một số biện pháp sau:

Công ty đã thiết kế hệ thống PCCC tự động về mặt kiến trúc công trình xây dựng và các hạng mục kỹ thuật cấp nước chữa cháy, chống sét theo đúng yêu cầu và quy định của các cơ quan quản lý chức năng.

Đường nội bộ đảm bảo phương tiện cứu hỏa đến được tất cả các vị trí nhỏ nhất trong từng khu vực của Công ty, đảm bảo tia nước phun từ vòi rồng của xe cứu hỏa có thể khống chế được lửa phát sinh ở bất kỳ vị trí nào trong các khu vực. Các khu vực kê cả kho chứa đều được bố trí cửa thông gió và tường cách ly để tránh tình trạng cháy lan theo tường hoặc theo mái.

Trong mỗi khu vực, kho chứa nhiên liệu, hóa chất, vật tư phải được lắp đặt hệ thống báo cháy. Các phương tiện phòng chống cháy luôn được kiểm tra thường xuyên và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng.

Hệ thống cấp nước chữa cháy luôn được đảm bảo, hệ thống máy bơm chữa cháy sẽ lắp đặt đúng theo thiết kế kỹ thuật được duyệt. Xây dựng bể nước dự trữ chữa cháy, trang bị thêm dụng cụ chữa cháy xách tay để chủ động ứng cứu sự cố. Bể chứa nước cứu hỏa phải luôn luôn đầy nước, đường ống dẫn nước cứu hỏa đến các hòng lấy nước cứu hỏa phải luôn luôn ở trong tình trạng sẵn sàng làm việc.

Đối với kho chứa nhiên liệu, hóa chất:

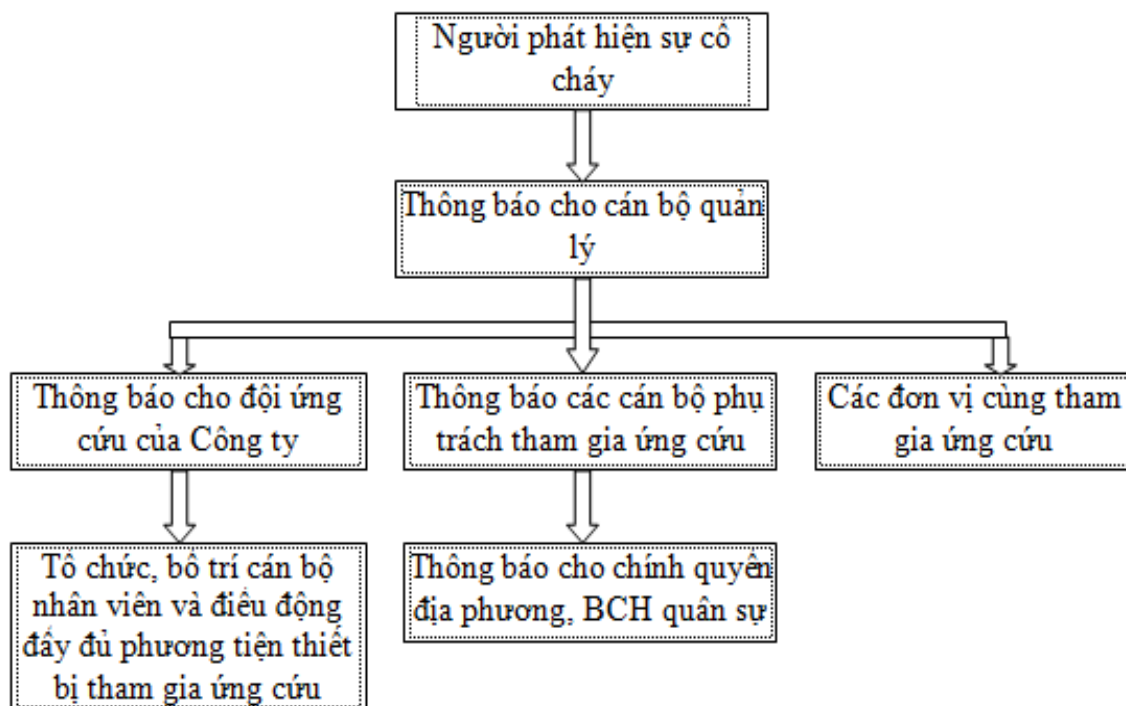
- + Nơi bảo quản hóa chất phải đảm bảo thông thoáng, kho chứa phải có ít nhất hai lối ra vào;
- + Nền kho: bằng phẳng, cứng, chắc chắn...không có cống rãnh, đường nước thải trên sàn kho;
- + Trong phạm vi khoảng cách an toàn không được để vật liệu dễ cháy;
- + Không sử dụng lửa và các hình thức sinh lửa, sinh nhiệt khác trong kho và trong khoảng cách an toàn;
- + Niêm yết nội quy phòng cháy và chữa cháy, biển cấm lửa, cấm hút thuốc, tiêu lệnh chữa cháy tại vị trí dễ thấy trước cửa kho;
- + Lắp đặt hệ thống điện an toàn phòng chống cháy, nổ;
- + Trang bị đủ phương tiện chữa cháy, nguồn nước chữa cháy theo quy định;

Đối với các thiết bị điện:

- Sắp xếp bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn gàng và đảm bảo khoảng cách an toàn;
- Các thiết bị điện phải tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dòng điện, phải có thiết bị bảo vệ quá tải. Dây điện phải đi ngầm hoặc được bảo vệ kỹ lưỡng;
- Các motor điện phải có hộp che chắn bảo vệ, bảo đảm không cho bụi rơi vào;
- Kiểm tra hệ thống đường dây điện, hộp cầu dao, cầu dao phải kín;
- Lắp đặt hệ thống chống sét đánh thẳng;
- Quy định cấm cán bộ - nhân viên hút thuốc lá trong các khu vực làm việc, kho chứa của Công ty;
- Tất cả các hạng mục công trình trong Công ty đều được bố trí các vật liệu cứu hỏa, bao gồm bình CO₂, vật dập lửa và các vật liệu khác như cát, thang chữa cháy. Những vật liệu này được đặt tại các vị trí thích hợp nhất để tiện việc sử dụng và thường xuyên tiến hành kiểm tra sự hoạt động tốt của bình CO₂;

- Đảm bảo các trang thiết bị, máy móc không để rò rỉ dầu mỡ;
- Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục ý thức PCCC cho cán bộ - nhân viên. Tập huấn cho toàn thể cán bộ - nhân viên các biện pháp phòng cháy chữa cháy khi có sự cố xảy ra. Lắp đặt các tiêu lệnh PCCC tại những vị trí dễ nhìn thấy.

❖ **Quy trình phòng chống và ứng cứu sự cố cháy nổ:**



Hình 9. Sơ đồ quy trình ứng phó đối với sự cố cháy nổ

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

Công ty đã được Sở Tài nguyên và môi trường cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 166/GP-STNMT ngày 06/12/2019 (đính kèm phụ lục).

- Nguồn phát sinh nước thải: sinh hoạt + nhà ăn + giặt giũ + y tế

- Lưu lượng xả thải tối đa: 30 m³/ngày

- Dòng nước thải:

+ Nước thải (sinh hoạt + nhà ăn + giặt giũ + y tế) → bể tiếp nhận → bể điều hòa → bể lọc sinh học → bể lắng → bể chứa trung gian → bể khử trùng → bồn lọc áp lực → thải ra môi trường (cống thoát nước trên đường Hồ Văn Cống → suối Giữa → sông Sài Gòn).

- Thông số giám sát: pH, COD, BOD5, TSS, sunphua, amoni, nitrat, phosphat, dầu mỡ động thực vật, coliform, salmonella, shigella, vibrio cholerae.

- Quy chuẩn xả thải: cột A, QCVN 28:2010/BTNMT, K = 1,2

Bảng 15. Chỉ tiêu phân tích và quy chuẩn xả nước thải cho phép

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT, cột A
1	pH	-	6,5 – 8,5
2	COD	mg/L	50
3	BOD5	mg/L	30
4	TSS	mg/L	50
5	Sunphua	mg/L	1
6	Amoni	mg/L	5
7	Nitrat	mg/L	30
8	Phosphat	mg/L	6
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	10
10	Coliform	MPN/100ml	3.000
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH
14	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
15	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

- Vị trí, phương thức xả thải:
- + Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 12.17.143; Y: 06.78.894
- + Phương thức xả thải: tự chảy
- + Nguồn nước tiếp nhận nước thải: suối Giữa – sông Sài Gòn

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có): Không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh:
- + Nguồn số 1: khu vực máy phát điện
- + Nguồn số 2: khu vực lâm sàn
- + Nguồn số 3: khu vực cấp cứu
- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:
- + Nguồn số 1 có tọa độ: X = 12.18.215; Y = 64.44.086
- + Nguồn số 2 có tọa độ: X = 12.18.184; Y = 64.44.157
- + Nguồn số 3 có tọa độ: X = 12.18.232; Y = 64.44.319

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- + Tiếng ồn:

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn so sánh
1	70	55	-	QCVN 26:2010/BTNMT

- + Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn so sánh
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	QCVN 27:2010/BTNMT

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Kết quả quan trắc môi trường được thực hiện trong 01 năm tại thời điểm lập báo cáo đề xuất. Cụ thể như sau:

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

Kết quả quan trắc nước thải năm 2021 như sau:

Bảng 16. Kết quả quan trắc nước thải năm 2021

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Hồ gas đầu nổi				QCVN 28:2010/BTNMT cột A
			1/3/2021	16/6/2021	25/10/2021	2/12/2021	
1	pH	-	6,94	6,55	6,77	6,93	6,5 – 8,5
2	TSS	mg/L	28	21	21	32	50
3	BOD5	mg/L	20	13	16	22	30
4	COD	mg/L	43	30	39	47	50
5	Nitrat	mg/L	8,11	5,13	5,17	9,14	30
6	Phosphat	mg/L	1,22	0,77	0,85	1,36	6
7	Coliform	MPN/100mL	2.600	1.400	2.400	2.700	3.000
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	1,5	2,2	1,2	1,5	10
9	Amoni	mg/L	3,49	2,19	2,93	3,79	5

(Nguồn: Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động, 2021)

Nhận xét: Kết quả quan trắc cho thấy các chỉ tiêu của mẫu nước thải tại sau HTXL nước thải có giá trị và nồng độ đều đạt tiêu chuẩn cho phép của QCVN 28:2010/BTNMT, Cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.

Trong quá trình hoạt động, Công ty không phát sinh khí thải cần quan trắc. Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng môi trường làm việc, định kỳ Công ty có quan trắc môi trường vi khí hậu và không khí. Kết quả quan trắc vi khí hậu và không khí năm 2021 như sau:

Bảng 17. Kết quả quan trắc vi khí hậu và không khí năm 2021

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	1/3/2021	25/10/2021	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
I	Khu vực cổng bảo vệ							
1	Độ ồn	dBA	66	68	-	≤ 85	-	-
2	Nhiệt độ	°C	32,5	32,1	18-32	-	-	-

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Bệnh viện đa khoa tư nhân, quy mô 50 giường bệnh”

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	1/3/2021	25/10/2021	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
3	Độ ẩm	%	64,7	66,7	40-80	-	-	-
4	Bụi	mg/m ³	0,13	0,15	-	-	4,687	-
5	CO	mg/m ³	1,97	2,23	-	-	-	15,62
6	SO ₂	mg/m ³	0,034	0,041	-	-	-	3,9
7	NO ₂	mg/m ³	0,020	0,03	-	-	-	3,9
8	NH ₃	mg/m ³	KPH	KPH	-	-	-	13,28
9	H ₂ S	mg/m ³	KPH	KPH	-	-	-	7,8
10	THC	mg/m ³	2,59	3,08	-	-	-	234,37
II	Khu vực lâm sàng							
1	Độ ồn	dBA	68	70	-	≤ 85	-	-
2	Nhiệt độ	°C	28,8	28,4	18-32	-	-	-
3	Độ ẩm	%	57,4	60,2	40-80	-	-	-
4	Bụi	mg/m ³	0,39	0,42	-	-	4,687	-
5	CO	mg/m ³	1,87	2,05	-	-	-	15,62
6	SO ₂	mg/m ³	0,047	0,067	-	-	-	3,9
7	NO ₂	mg/m ³	0,029	0,037	-	-	-	3,9
8	NH ₃	mg/m ³	KPH	KPH	-	-	-	13,28
9	H ₂ S	mg/m ³	KPH	KPH	-	-	-	7,8
10	THC	mg/m ³	7,54	8,11	-	-	-	234,37
III	Khu vực cấp cứu							
1	Độ ồn	dBA	70	65	-	≤ 85	-	-
2	Nhiệt độ	°C	26,3	26,8	18-32	-	-	-
3	Độ ẩm	%	56,1	59,4	40-80	-	-	-
4	Bụi	mg/m ³	0,51	0,55	-	-	4,687	-
5	CO	mg/m ³	1,69	1,87	-	-	-	15,62
6	SO ₂	mg/m ³	0,040	0,059	-	-	-	3,9
7	NO ₂	mg/m ³	0,025	0,041	-	-	-	3,9
8	NH ₃	mg/m ³	KPH	KPH	-	-	-	13,28

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Bệnh viện đa khoa tư nhân, quy mô 50 giường bệnh”

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	1/3/2021	25/10/2021	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
9	H ₂ S	mg/m ³	KPH	KPH	-	-	-	7,8
10	THC	mg/m ³	9,26	5,53	-	-	-	234,37
IV	Khu vực phẫu thuật hậu phẫu							
1	Độ ồn	dBA	64	61	-	≤ 85	-	-
2	Nhiệt độ	°C	22,7	23,1	18-32	-	-	-
3	Độ ẩm	%	55,5	64,7	40-80	-	-	-
4	Bụi	mg/m ³	0,30	0,38	-	-	4,687	-
5	CO	mg/m ³	1,42	1,73	-	-	-	15,62
6	SO ₂	mg/m ³	0,038	0,041	-	-	-	3,9
7	NO ₂	mg/m ³	0,018	0,032	-	-	-	3,9
8	NH ₃	mg/m ³	KPH	KPH	-	-	-	13,28
9	H ₂ S	mg/m ³	KPH	KPH	-	-	-	7,8
10	THC	mg/m ³	5,34	4,29	-	-	-	234,37

(Nguồn: Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động, 2021)

Nhận xét: Kết quả quan trắc không khí cho thấy các chỉ tiêu quan trắc có giá trị và nồng độ nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT, QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 24:2016/BYT.

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Công ty không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

Chương trình quan trắc chất lượng môi trường định kỳ của Công ty được trình bày cụ thể như sau:

Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: nước thải sinh hoạt: tại hồ ga sau hệ thống xử lý.
- Thông số giám sát: pH, COD, BOD5, TSS, sunphua, amoni, nitrat, phosphat, dầu mỡ động thực vật, coliform, salmonella, shigella, vibrio cholerae.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần
- Quy chuẩn so sánh: cột A, QCVN 28:2010/BTNMT.

Giám sát chất thải rắn

- Vị trí giám sát:
 - + Khu vực tập kết chất thải sinh hoạt.
 - + Khu vực tập kết chất thải rắn y tế không nguy hại, chất thải nguy hại.
- Chỉ tiêu giám sát: Khối lượng, thành phần chất thải, phân loại.
- Tần suất giám sát: hàng ngày

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Công ty không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục theo khoản 2 Điều 97 và khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Tổng kinh phí dự toán cho chương trình giám sát môi trường hàng năm của dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 18. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường

Stt	Hạng mục	ĐVT	Chi phí (VNĐ/ĐVT)	Số lượng	Tần xuất	Thành tiền (VNĐ)
1	Nước thải sau HTXL	Vị trí	7.000.000	1	2	14.000.000
Tổng cộng						14.000.000

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong quá trình hoạt động của công ty trong 2 năm gần nhất chưa có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Trong suốt quá trình triển khai thực hiện dự án, Công ty cam kết sẽ thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu và các quy định, quy chuẩn về bảo vệ môi trường như sau:

- Áp dụng tất cả các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường và các biện pháp khắc phục sự cố môi trường như đã đề cập trong báo cáo đảm bảo đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam và các quy định hiện hành.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn quy định về bảo vệ môi trường của Việt Nam và thực hiện đầy đủ các chương trình giám sát môi trường định kỳ trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

- Chất lượng nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn so sánh QCVN 28:2010/BTNMT, cột A.

- Đào tạo cán bộ có năng lực và chuyên môn về môi trường nhằm nâng cao khả năng quản lý, bảo đảm không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường và các sự cố môi trường,...đồng thời khi xảy ra sự cố sẽ tích cực phối hợp chính quyền địa phương để khắc phục nhằm giảm thiểu tối đa mức độ thiệt hại.

- Công ty cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp có sự cố rủi ro môi trường xảy ra.

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực, nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở tài nguyên và môi trường Bình Dương xác nhận cấp giấy phép môi trường của Công ty chúng tôi.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng;
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở;
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;
- Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường;
- Công văn sử dụng lại đề án bảo vệ môi trường;
- Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường;
- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước;
- Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại;
- Hợp đồng thu gom xử lý chất thải y tế không nguy hại, chất thải nguy hại.

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Giấy này không nhận được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bỏ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN A CHÂU

GCNBKKD. 3700711558

Đăng ký lần đầu ngày 26/5/2006

Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 01/10/2009

Do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.
Địa chỉ: Số 39, đường Hồ Văn Công, ấp 4, xã Tương Bình Hiệp, thị xã Thủ Dầu
Một, tỉnh Bình Dương.

BA 163250

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: **580**, tờ bản đồ số: **11**
 b) Địa chỉ: Xã Tương Bình Hiệp, Thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương
 c) Diện tích: 3000 m² (bằng chữ: Ba ngàn mét vuông)
 d) Hình thức sử dụng: riêng 3000 m², chung Không
 e) Thời hạn sử dụng: Đất cơ sở y tế (3000)
 g) Nguồn gốc sử dụng: Đến ngày 29/12/2005 (DYT)
 h) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

2. Nhà ở: Chưa chứng nhận quyền sử dụng

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Bệnh viện đa khoa tư nhân Á Châu

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm HT xây dựng	Thời hạn sở hữu
Khối kiến trúc và điều trị	377	3004.62	Móng, khung cốt thép, mái bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch, ốp gạch thạch anh và sơn nước		07 + 01 tầng kỹ thuật	2009	-/-
Nhà xe khách và CB-CNV	90	90	Móng bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch sơn nước. Khung thép hình tiền chế. Nền láng xi măng. Mái lợp tole		01	2009	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: Chưa chứng nhận quyền sử dụng

5. Cây lâu năm: Chưa chứng nhận quyền sử dụng

6. Ghi chú:

- Khu đất có nguồn gốc đất công ích do UBND xã Tương Bình Hiệp quản lý, đơn vị chưa nộp tiền hỗ trợ bồi thường đất công ích theo quy định của pháp luật về đất đai.
- Cấp đổi từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE-977/406 ngày 29/12/2006 và bổ sung tài sản gắn liền với đất.

Thủ Dầu Một, ngày 27. tháng 2. năm 2010

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN BÌNH DƯƠNG

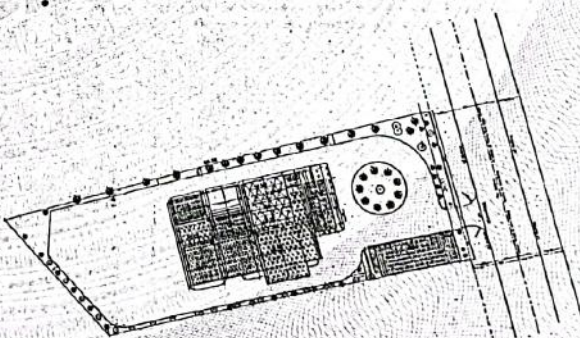
TU. CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Phạm Danh

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



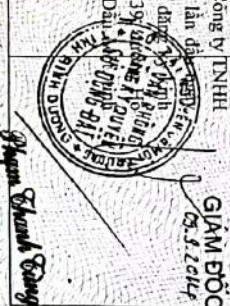
IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai với Ngân hàng PT Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng PT Bình Dương theo hợp đồng thế chấp số 019/06.07/HDTG-NX ngày 20/12/2007.

Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai đã thế chấp đã được hình thành theo đơn yêu cầu thay đổi nội dung hồ sơ đã đăng ký ngày 29/11/2010 (Số số 1092/quyển số 02/2010).

Công ty TNHH bệnh viện Á Châu được đổi tên thành Công ty TNHH Sài Gòn Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp: 3700711558, đăng ký lần đầu 26/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 23/09/2013 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Địa chỉ: số 39, Văn Cống, khu phố 4, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương theo hồ sơ số 1694.



TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 580

Tờ bản đồ số: 11

Số phát hành GCN: BA 163250

Số vào sổ cấp GCN: CT00672

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Nội dung đã đăng ký thể chấp ngày 30/11/2010 có thay đổi: Thay đổi tên bên thế chấp từ Công ty TNHH Bệnh viện A thành Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương theo hồ sơ số 765/quyền số 02/2014.	PHÓ GIÁM ĐỐC 19.9.2014 <i>Nguyễn Thị Lâm</i> PHÓ GIÁM ĐỐC
Nội dung đã đăng ký thể chấp ngày 21/12/2007 và 30/11/2010 có thay đổi: Thay đổi tên Bên nhận thế chấp thành Chi nhánh Ngân hàng phát triển Khu vực Bình Dương Phước theo hồ sơ số 861/quyền số 02/2015.	19.10.2015 <i>Nguyễn Thị Tuyết</i>

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý.

Trang bổ sung số: 01

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 3700711558

Đăng ký lần đầu: ngày 26 tháng 05 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 30 tháng 09 năm 2016

(Tên cũ: CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN Á CHÂU)

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN SÀI GÒN BÌNH DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAI GON BINH DUONG HOSPITAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BỆNH VIỆN SÀI GÒN BÌNH DƯƠNG

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 39, đường Hồ Văn Cống, khu phố 4, Phường Tương Bình Hiệp, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0650.3864673-4

Fax: 0650.3864672

Email: bvsaiгонbinhduong@gmail.com

Website: bvsaiгонbinhduong.vn

3. Vốn điều lệ 34.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Ba mươi bốn tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN TIÊN	Số 633, đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	17.000.000.000	50,000	280822989	
2	PHẠM XUÂN HÙNG	Số 26, đường Hoàng Dur Khương, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.000.000.000	50,000	020700723	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN TIÊN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *18/05/1966*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *280822989*

Ngày cấp: *09/09/2014*

Nơi cấp: *Công an Bình Dương*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 633, đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 633, đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Thanh Xuân

Số: 264./QĐ-STNMT

Bình Dương, ngày 18 tháng 4 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường
- Bệnh viện Đa khoa tư nhân Á Châu, quy mô 50 giường bệnh
tại số 39 Hồ Văn Cống, xã Tương Bình Hiệp, thị xã Thủ Dầu Một
của Công ty TNHH Bệnh viện Á Châu

BẢN SAO

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 61/2008/QĐ-UB ngày 23 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương; Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2009 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường Bệnh viện đa khoa tư nhân Á Châu, quy mô 50 giường bệnh theo văn bản ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Công ty TNHH Bệnh viện Á Châu tại số 39 Hồ Văn Cống, xã Tương Bình Hiệp, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung đề án bảo vệ môi trường Bệnh viện đa khoa tư nhân Á Châu, quy mô 50 giường bệnh tại số 39 Hồ Văn Cống, xã Tương Bình Hiệp, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Bệnh viện Á Châu.

Điều 2. Công ty TNHH Bệnh viện Á Châu có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung trong đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Về quản lý và xử lý chất thải

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt, nước thải phải được thu gom xử lý đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT, cột A ($k = 1,2$) trước khi thải ra môi trường;

- Khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT và TCVS 3733/2002/QĐ-BYT;

- Chất thải rắn các loại phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

- Chất thải y tế phải được quản lý theo đúng quy chế quản lý chất thải y tế ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

- Lắp đặt thiết bị quan trắc lưu lượng nước thải theo Quy định tại điều 30 và xây dựng điểm quan trắc nguồn thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại điều 31 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

- Phải đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

2. Thực hiện chương trình giám sát môi trường theo nội dung đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, đồng thời có báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường định kỳ 3 tháng/lần để kiểm tra, giám sát;

3. Thời hạn hoàn thành các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường là 60 ngày kể từ ngày ký quyết định.

4. Sau khi hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, Giám đốc Công ty TNHH Bệnh viện Á Châu phải có văn bản báo cáo cơ quan phê duyệt về các nội dung đã hoàn thành để kiểm tra, giám sát.

Điều 3. Đề án bảo vệ môi trường Bệnh viện đa khoa tư nhân Á Châu, quy mô 50 giường bệnh tại số 39 Hồ Văn Cống, xã Tương Bình Hiệp, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Bệnh viện Á Châu.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan của Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công ty TNHH Bệnh viện Á Châu, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: ✓

- Cty TNHH Bệnh viện Á Châu;
- UBND thị xã Thủ Dầu Một;
- Lưu: VT, CCBVMT, Quang 7.



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực..... Quyển số..... SCT/BS

Ngày..... Tháng..... Năm 20.....

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP

Võ Thị Ngọc Hạnh



Đoàn Đình Hùng



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~4077~~ /STNMT-CCBVM

Bình Dương, ngày 03 tháng 12 năm 2013

V/v sử dụng lại Đề án bảo vệ môi trường

Kính gửi: Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương

Qua xem xét văn bản số VB-MT/2013 ngày 07 tháng 11 năm 2013 của Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương về việc sử dụng lại Đề án bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Bệnh viện Á Châu, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Theo giải trình của Công ty tại văn bản trên và các hồ sơ đính kèm thì Công ty TNHH Bệnh viện Á Châu được đổi tên thành Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700711558 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25 tháng 9 năm 2013. Vì vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất cho Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương sử dụng lại hồ sơ Đề án bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Bệnh viện Á Châu tọa lạc tại số 39 Hồ Văn Cống, ấp 4, xã Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình hoạt động, yêu cầu Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương không có bất cứ thay đổi nào về vị trí, công nghệ, quy mô, phạm vi hoạt động của bệnh viện và phải thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường tại bệnh viện theo Đề án bảo vệ môi trường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt tại quyết định số 364/QĐ-STNMT ngày 17 tháng 04 năm 2012.

Nếu có thay đổi về vị trí, qui mô hoạt động và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương phải báo cáo và chỉ được thực hiện sự thay đổi đó sau khi có ý kiến chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương để biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TNMT TP Thủ Dầu Một;
- Lưu: VT, CCBVM, Thao5.6 ✓

GIÁM ĐỐC



Phạm Danh

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 4891 /STNMT-CCBVMT

Bình Dương, ngày 24 tháng 07 năm 2018

V/v xác nhận hoàn thành các công trình
bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi
trường chi tiết của Công ty TNHH Bệnh viện
Sài Gòn Bình Dương

Kính gửi: Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Báo cáo hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương. Sau khi xem xét hồ sơ và kiểm tra thực tế tại Công ty, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương đã thực hiện các nội dung của Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2012 như sau:

- Đã xây dựng tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải.
- Đã đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải với công suất thiết kế là 30m³/ngày, gồm các hạng mục cụ thể như sau:

Nước thải (sinh hoạt + nhà ăn + giặt giũ + y tế) => Bể tiếp nhận => Bể điều hòa => Bể lọc sinh học => Bể lắng => Bể chứa trung gian => Bể khử trùng => Bồn lọc áp lực => Thải ra môi trường (ra cống thoát nước trên đường Hồ Văn Cống => rạch Bà Cô => Sông Sài Gòn).

Tại thời điểm kiểm tra, nước thải sau công trình xử lý của Công ty đạt quy chuẩn cho phép thải ra môi trường (QCVN 28:2010/BTNMT, cột A; K_f = 1,2) kèm theo Phiếu kết quả thử nghiệm số TC 517 0918 ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Trung tâm Quan trắc - Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Bình Dương.

- Đã thu gom, quản lý và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định.
- Đã thực hiện quan trắc chất lượng môi trường và định kỳ lập báo cáo giám sát môi trường.
- Đã lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại theo quy định.
- Đã thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ.

2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được thay đổi, điều chỉnh so với phương án đề xuất trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt:

- Về công trình xử lý nước thải: Bổ sung thêm bể chứa trung gian trước bể khử trùng, đồng thời, hiện nay không phát sinh nước thải từ quá trình rửa, tráng phim chụp X-quang

- Ngoài ra, Công ty đã đổi tên từ Công ty TNHH Bệnh viện Á Châu thành Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất sử dụng lại Đề án Bảo vệ môi trường tại Văn bản số 4077/STNMT-CCBVMТ ngày 03 tháng 12 năm 2013.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương trong quá trình hoạt động phải:

- Vận hành các công trình xử lý chất thải tuân thủ đúng quy trình, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quan trắc chất lượng môi trường định kỳ hàng quý và lập báo cáo giám sát môi trường theo quy định gửi về Chi cục Bảo vệ môi trường để kiểm tra, xem xét.

- Quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Trong quá trình vận hành nếu có sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra làm ô nhiễm môi trường, cơ sở phải chủ động xử lý, khắc phục ngay và có báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương để biết và thực hiện./.

Nơi nhận: ✓

- Như trên; ✓
- PTN&MT Tp. TDM;
- Lưu VT, CCBVMT, ThHa4.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC ✓



Nguyễn Hồng Nguyên

Số: 166 /GP-STNMT

Bình Dương, ngày 06 tháng 12 năm 2019

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
(Gia hạn lần 2)

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Xét đơn đề nghị gia hạn giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương ngày 01 tháng 11 năm 2019 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Khí tượng thủy văn tại tờ trình số 363./TTr-TNNKSKTTV ngày 15 tháng 12 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương; ngành nghề: bệnh viện đa khoa; địa chỉ: số 39 đường Hồ Văn Cống, khu phố 4, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung như sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: suối Giữa – sông Sài Gòn;
2. Vị trí nơi xả nước thải:
 - Địa chỉ: phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;



- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 12.17.143; Y: 06.78.894;

3. Phương thức xả nước thải: tự chảy;

4. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày;

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 30 m³/ngày đêm;

6. Chất lượng nước thải: nước thải sau hệ thống xử lý phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT cột A, K =1,2 gồm các thông số: pH, COD, BOD₅, TSS, Sunphua, Amoni, Nitrat, Phosphat, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio Cholerae.

7. Thời hạn của giấy phép: ba (03) năm kể từ ngày ký.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:

a) Quan trắc nước thải:

Quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý với các thông số, tần suất, vị trí quan trắc như sau:

- Vị trí quan trắc: nước thải sau hệ thống xử lý;

- Các thông số quan trắc chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này;

- Tần suất quan trắc chất lượng nước thải: ba (03) tháng/lần;

- Tần suất quan trắc lưu lượng nước thải: mỗi ngày một (01) lần vào cùng một thời điểm.

b) Quan trắc nguồn nước tiếp nhận:

- Vị trí quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận: một (01) điểm trên suối Giữa cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn;

- Thông số quan trắc: pH, COD, BOD, TSS, Amoni, Nitrat, Nitrit, Phosphat, dầu mỡ, Coliforms theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2.

- Tần suất quan trắc: ba (03) tháng/lần.

3. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào vượt quá mức quy định của Giấy phép và ngưng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục;

4. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép;

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường;

6. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải, các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nguồn tiếp nhận theo quy định tại Khoản 2, Điều 2 của Giấy phép này;

7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.

Điều 3. Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 04/GP-STNMT ngày 21 tháng 12 năm 2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. /

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương;
- UBND TP Thủ Dầu Một;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Ngọc Thúy

Bình Dương, ngày 24 tháng 11 năm 2013

SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 74.000857.T

(Cấp lần 2)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải :

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương (tên cũ: Công ty TNHH Bệnh viện Á Châu).

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: Số 39, Hồ Văn Cống, ấp 4, xã Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 06503.864673-74; Fax: 06503.864672

Email: bvsaigonbinhduong@gmail.com

Tài khoản số: 650.10.00.022203.3 tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Chi nhánh Bình Dương

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700711558.

Ngày cấp (thay đổi lần thứ 4): ngày 25 tháng 09 năm 2013.

Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

II. Nội dung đăng ký :

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Đăng ký cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH khi có các thay đổi, bổ sung, điều chỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

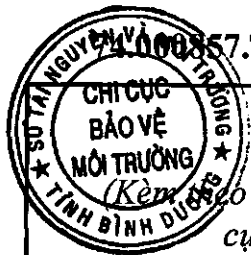
IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế Sổ đăng ký có mã số QLCTNH: 74.000857.T cấp lần 1 ngày 05 tháng 07 năm 2010.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình
- Dương;
- Lưu: VT, HSon3



**PHỤ LỤC**

Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 74.000857.T do Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 2 ngày 22 tháng 11 năm 2013)

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

Tên: Công ty TNHH Bệnh viện Sài Gòn Bình Dương.

Địa chỉ: Số 39, Hồ Văn Công, ấp 4, xã Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 06503.864673-74; Fax: 06503.864672

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700711558.

Ngày cấp (thay đổi lần thứ 4): ngày 25 tháng 09 năm 2013.

Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

1.1. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ghi chú
1	Chất thải có tác nhân lây nhiễm: bệnh phẩm, kim tiêm, bông băng, gạc y tế, chai dịch truyền, dây truyền dính máu	Rắn	100	13 01 01	Giảm
2	Bao tay, găng tay, giẻ lau dính thành phần nguy hại	Rắn	25	18 02 01	Bổ sung
3	Bao bì cứng bằng nhựa dính thành phần nguy hại	Rắn	15	18 01 03	Bổ sung
4	Bao bì cứng bằng kim loại thải dính thành phần nguy hại	Rắn	10	18 01 02	Bổ sung
5	Các loại dung dịch và hóa chất nguy hại (hóa chất khử trùng, hóa chất tẩy rửa phèn Xquang, dung dịch vệ sinh)	Lỏng	200	13 01 02	Bổ sung

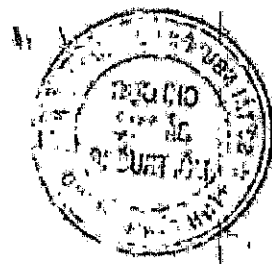
6	Chất lỏng và hỗn hợp lỏng, bao gồm hoặc có chứa các chất nguy hại	Lỏng	12	19 05 02	Bổ sung
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	3	16 01 06	Giảm
8	Hộp mực in thải	Rắn	2	08 02 04	Bổ sung
9	Pin thải	Rắn	1	19 06 01	Bổ sung
10	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	300	12 06 06	Bổ sung
Tổng số lượng			668 kg		

1.2. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	Rắn	2.200
2	Bao bì carton, giấy vụn thải	Rắn	400
3	Bao nylon thải không dính thành phần nguy hại	Rắn	35
Tổng số lượng			2.635 kg

4. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

Bộ hồ sơ đăng ký “Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có Mã số QLCTNH: 74.000857.T do Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 2 ngày 21 tháng 4/ năm 2013” được Chi cục Bảo vệ môi trường đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.



Số: 2137-RNH/HĐ – KT/19

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải nguy hại của Công ty TNHH Bệnh Viện Sài Gòn Bình Dương

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.
- Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính Phủ về Quản lý Chất thải và phế liệu.
- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH : 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2 ngày 23/05/2019 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 01 năm 2019.
- Căn cứ theo sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải nguy hại mã số QLCT nguy hại : 74.000.857.T, ngày 22 tháng 11 năm 2013 do Chi cục Bảo vệ Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Bệnh Viện Sài Gòn Bình Dương.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Bệnh Viện Sài Gòn Bình Dương theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700711558 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận thay đổi lần 4) ngày 25/9/2013

Hôm nay, ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty : Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa , thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743.543528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **Phạm Thanh Hùng**

Chức vụ: Giám đốc CN Lâm Đại Diện

BÊN B: CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN SÀI GÒN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 39 Hồ Văn Cống, khu phố 4, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743.864673-4

Fax:

Tài khoản số:

Tại:

Mã số thuế: 3700711558

Do Ông/Bà: **Nguyễn Văn Tiên**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Mã khách hàng:

Ngành sản xuất: Bệnh viện đa khoa.

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên B đồng ý giao cho bên A thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động của bên B

1.2. Điều kiện lưu chứa:

- Chất thải nguy hại được bên B thu gom, phân loại, lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hiện hành trước khi giao cho Bên A. Chất thải nguy hại (CTNH) lưu chứa trong các bao bì, thiết bị đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn CTNH và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên B tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải nguy hại chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục Chất thải nguy hại chuyển giao đính kèm hợp đồng thì Bên A sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên B có xác nhận của bên A. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên B thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên A.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 02 lần/tuần vào thứ 2,6 hàng tuần (trừ ngày lễ và ngày tết) .
- Địa điểm giao nhận: tại Công ty TNHH Bệnh Viện Sài Gòn Bình Dương (Địa chỉ: Số 39 Hồ Văn Cống, khu phố 4, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**2.1. Đơn giá**

Đơn giá từng loại chất thải được thể hiện cụ thể trong các bảng sau :



Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Đơn giá xử lý (đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (đồng/lần)
01	Chất thải có tác nhân lây nhiễm: bệnh phẩm, kim tiêm, bông băng, gạc y tế, chai dịch truyền, dây truyền dinh dưỡng <i>Khối lượng: 100 kg/năm</i>	Rắn	13 01 01	Thiêu đốt	15.000	300.000
02	Bao tay, găng tay, giẻ lau dính thành phần nguy hại <i>Khối lượng: 25 kg/năm</i>	Rắn	18 02 01	Thiêu đốt	10.000	
03	Bao bì cứng bằng nhựa dính thành phần nguy hại <i>Khối lượng: 15 kg/năm</i>	Rắn	18 01 03	Thiêu đốt	7.000	
04	Bao bì cứng bằng kim loại dính thành phần nguy hại <i>Khối lượng: 10 kg/năm</i>	Rắn	18 01 02	Thiêu đốt	7.000	
05	Các dung dịch và hóa chất nguy hại (hóa chất khử trùng, hóa chất tẩy rửa film Xquang, dung dịch vệ sinh) <i>Khối lượng: 200 kg/năm</i>	Lỏng	13 01 02	Thiêu đốt	15.000	
06	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải, bao gồm hoặc có chứa các chất nguy hại <i>Khối lượng: 12 kg/năm</i>	Lỏng	19 05 02	Thiêu đốt	15.000	
07	Bóng đèn huỳnh quang thải <i>Khối lượng: 3 kg/năm</i>	Rắn	16 01 06	Hóa rắn hoặc Chôn	15.000	
08	Hộp mực in thải <i>Khối lượng: 2 kg/năm</i>	Rắn	08 02 04	Thiêu đốt	10.000	
09	Pin thải <i>Khối lượng: 1 kg/năm</i>	Rắn	19 06 01	Phá dỡ-Tẩy rửa	10.000	
10	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải <i>Khối lượng: 300 kg/năm</i>	Bùn	12 06 06	Thiêu đốt	10.000	

Ghi chú:

- Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.
- Khi có thay đổi đơn giá, bên A sẽ báo cho bên B trước 30 ngày bằng văn bản

2.2. Phương thức thanh toán

- Căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên A sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên B.
- Bên B thanh toán cho bên A bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên B chi trả). Thời gian thanh toán 30 ngày kể từ ngày bên B nhận được hóa đơn GTGT do bên A phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ hàng tháng bên B vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).

- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên B phải thông báo cho bên A bằng văn bản. Nếu bên B không thông báo thì bên A sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên A được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên B không thanh toán cho Bên A theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên A sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên B đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được nhận tiền do bên B thanh toán theo Điều 2.
- Bên A được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên B vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên B thanh toán trễ hạn theo quy định tại khoản 2.2 điều 2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 5.
- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên B vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên B vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên A.
- Từ chối tiếp nhận loại CTNH không đúng với thông tin Danh mục CTNH quy định tại điều 2 của hợp đồng.
- Từ chối tiếp nhận CTNH nếu không được lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý; có khả năng không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại CTNH theo Danh mục CTNH quy định tại điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý CTNH được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên A có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ toàn bộ lượng chất thải đã được bên B giao theo quy định.
- Thực hiện Chứng từ CTNH theo quy định.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được quyền yêu cầu bên A thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên A xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên A vi phạm hợp đồng.

- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên A xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại theo quy định.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên A theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1 – khoản 1.4, bên A đến thu gom chất thải mà bên B không giao chất thải thì bên B phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại điều 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Phát hành Chứng từ CTNH theo quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT cho bên A khi chuyển giao CTNH theo hợp đồng đã ký kết.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH theo quy định hiện hành.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên A có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên B thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên B sẽ phải nộp phạt cho bên A với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên A phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên B tạm ngưng giao chất thải cho bên A xử lý theo mục 3.2.1 Điều 3 thì bên B phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên A trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên B giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên B phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên A.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên B không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 25 tháng 11 năm 2022. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.

5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên B không tiếp tục giao chất thải cho bên A thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.

5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.

5.4 Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ (02) bản có giá trị pháp lý ngang nhau. N

ĐẠI DIỆN BÊN A



Phạm Thanh Hùng

ĐẠI DIỆN BÊN B



NGUYỄN VĂN TIÊN

Số: 2138.. KS/H/HD – KT/19

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải sinh hoạt của Cty TNHH Bệnh Viện Sài Gòn Bình Dương

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.
- Căn cứ quyết định 23/2016/QĐ-UBND ngày 05/08/2016 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 13 ngày 14/04/2019) cho Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 01 năm 2019.
- Căn cứ theo nhu cầu của Cty TNHH Bệnh Viện Sài Gòn Bình Dương theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700711558 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận thay đổi lần 4) ngày 25/9/2013.

Hôm nay, ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty : Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743.543528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Do Ông **Phạm Thanh Hùng**

Chức vụ: Giám đốc CN Lâm Đại Diện

BÊN B: CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN SÀI GÒN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: số 39, Hồ Văn Công, khu phố 4, phường Tương Bình Hiệp, Thành Phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Điện thoại: 02743864673-4

Fax:

Mã số thuế: 3700711558

Do Ông/Bà: **Nguyễn Văn Tiên**

Chức vụ: Giám Đốc làm đại diện

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên B đồng ý giao cho bên A thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của bên B.

1.2. Điều kiện lưu chứa

- Chất thải sinh hoạt (CTSH) được bên B thu gom, phân loại và lưu chứa trong các thùng chứa hoặc bao bì riêng biệt, đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn chất thải theo quy định và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên B tự trang bị.
- Nếu xảy ra tình trạng chất thải ngoài quy định của hợp đồng (chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất) để chung với chất thải sinh hoạt, bên A có quyền từ chối thu gom chất thải (hai bên lập biên bản xác nhận sự việc), bên B có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo hợp đồng.

1.3. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: : 02 lần/tuần, vào thứ 3, 7 hàng tuần (trừ ngày lễ và ngày tết) 2
- Địa điểm giao nhận: tại Cty TNHH Bệnh Viện Sài Gòn Bình Dương (số 39, Hồ Văn Cống, khu phố 4, phường Tương Bình Hiệp, Thành Phố Thủ Dầu Một, Bình Dương)

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải sinh hoạt được thể hiện cụ thể trong bảng sau :

Stt	Loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)	Đơn giá Xử Lý (đồng/tháng)	Đơn giá vận chuyển (đồng/tháng)	Tổng đơn giá (đồng/tháng)
01	Chất thải sinh hoạt	700	700.000	600.000	1.300.000

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT 10%

- Khi có thay đổi đơn giá, bên A sẽ báo cho bên B trước 30 ngày bằng văn bản.

2.2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng bên A sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên.
- Bên B thanh toán cho bên A bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên B chi trả). Thời gian thanh toán 30 ngày kể từ ngày bên B nhận được hóa đơn điện tử do bên A phát hành tại website: **www.biwase.com.vn** (định kỳ hàng tháng bên B tự đăng nhập để nhận hóa đơn).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử: (bắt buộc phải điền đầy đủ thông tin)

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ mail nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
	bvsaigonbinhdulich@gmail.com	0866 906 105

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên B phải thông báo cho bên A bằng văn bản. Nếu bên B không thông báo thì bên A sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên A được quyền điều chỉnh theo quy định.

2.3 Điều chỉnh đơn giá:

Trong một số trường hợp sau đây có thể xem xét điều chỉnh đơn giá của hợp đồng:

- Điều chỉnh giá theo các quy định của ngành.
- Thay đổi đột biến về khối lượng hoặc quy mô so với hợp đồng đã ký (mức thay đổi trên 10%)
- Thay đổi tần suất thu gom rác.
- Thay đổi địa điểm giao rác.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được nhận tiền do bên B thanh toán theo Điều 02.
- Bên A được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên B vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên B thanh toán trễ hạn theo quy định tại khoản 2.2 điều 2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 5.
- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên B vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên B vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên A.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Bố trí nhân sự, phương tiện đến nhận chất thải của bên B giao theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo các quy định vệ sinh đô thị. Phương tiện vận chuyển được trang bị bảo đảm vệ sinh môi trường, bảo đảm thu dọn sạch sẽ chất thải rơi vãi ngay sau khi thu gom.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được quyền yêu cầu bên A thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên A xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên A vi phạm hợp đồng.

- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên A xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Thực hiện các quy định về phân loại rác tại nguồn, không được đưa các loại chất thải nguy hại, chất thải không hợp pháp, chất thải có thể gây cháy, nổ, chất thải công nghiệp thông thường từ hoạt động sản xuất vào chung chất thải sinh hoạt.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên A theo Điều 2.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên A có yêu cầu.
- Giao rác đúng thời gian và đặt tại vị trí thỏa thuận, nơi lưu chứa phải thuận lợi cho phương tiện vận chuyển di chuyển vào thu gom.
- Cử người ký xác nhận việc thu gom chất thải khi bên A đến thu gom.
- Nếu bên B thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên B sẽ phải nộp phạt cho bên A với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên A phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên B tạm ngưng giao chất thải cho bên A xử lý theo mục 3.2.1 Điều 3 thì bên B phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên A trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên B giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên B phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên A.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên B không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 25 tháng 11 năm 2022. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.

5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên B không tiếp tục giao chất thải cho bên A thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.

5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.

5.4 Hợp đồng bao gồm 05 (năm) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ (02) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Phạm Thanh Hùng

ĐẠI DIỆN BÊN B



NGUYỄN VĂN TIÊN



Số : 219-03/21-5.2 / KQPT

Tp.HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN SÀI GÒN BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Số 39, đường Hồ Văn Cống, ấp 4, xã Tương Bình Hiệp, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 01/03/2021

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, tiếng ồn

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ỒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)
1.Khu vực cổng bảo vệ	66	32,5	64,7
Giới hạn tối đa cho phép trong khu vực công cộng và dân cư (QCVN26:2010/BTNMT)	Từ 6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 55	-	-
2.Khu vực lâm sàn	68	28,8	57,4
3. Khu vực cấp cứu	70	26,3	56,1
4. Khu vực phẫu thuật - hậu phẫu	64	22,7	55,5
QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Bùi Mạnh Hiệp

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Số : 219-03/21-5.2 / KQPT

Tp.HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG**1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN SÀI GÒN BÌNH DƯƠNG****2/ Địa chỉ : Số 39, đường Hồ Văn Cống, ấp 4, xã Tương Bình Hiệp, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương****3/ Thời gian lấy mẫu : 01/03/2021****4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí****5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:**

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	CO*	SOP K01-LM	SOP K01-PT	0,044 mg/m ³
3	SO ₂ *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971: 1995	0,0085 mg/m ³
4	NO ₂ *	TCVN 6137: 2009	TCVN 6137:2009	0,0046 mg/m ³
5	Hydrocarbons (THC)*	NIOSH Method 1500	NIOSH Method 1500	0,030 mg/m ³
6	H ₂ S*	MASA 701	MASA 701	0,0047 mg/m ³
7	NH ₃ *	TCVN 5293: 1995	TCVN 5293:1995	0,0067 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi	CO	SO ₂	NO ₂	NH ₃	H ₂ S	THC
	(mg/m ³)						
1.Khu vực cổng bảo vệ	0,13	1,97	0,034	0,020	KPH	KPH	2,59
Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05 : 2013/BTNMT) (QCVN 06 : 2009/BTNMT)	0,3	30	0,35	0,2	0,20	0,042	-
2.Khu vực lâm sàn	0,39	1,87	0,047	0,029	KPH	KPH	7,54
3. Khu vực cấp cứu	0,51	1,69	0,040	0,025	KPH	KPH	9,26
4. Khu vực phẫu thuật – hậu phẫu	0,30	1,42	0,038	0,018	KPH	KPH	5,34
QCVN 02:2019/BYT ^(a) QCVN 03:2019/BYT ^(a)	6,25	15,625	3,90625	3,90625	13,28125	7,8125	234,375

*Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc**(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận**(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)**KPH: Không phát hiện (< MDL)***BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG****Bùi Mạnh Hiệp****KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC****ThS.Thái Sanh Bảo Huy**



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 219-03/21-5.2 / KQPT

Tp.HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN SÀI GÒN BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Số 39, đường Hồ Văn Cống, ấp 4, xã Tương Bình Hiệp, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 01/03/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sau HTXL

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 28: 2010/BTNMT (CỘT A)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH* (30,7 ⁰ C)	-	6,94	2 ÷ 12,5	6,5-8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	28	5,0	50	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	43	2,0	50	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	20	1,0	30	TCVN 6001-1:2008
5	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	8,11	0,013	30	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
6	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)**	mg/L	1,22	0,011	6	TCVN 6202: 2008
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	3,49	0,011	5	TCVN 6179-1:1996
8	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,5	0,3	10	SMEWW 5520.B& F: 2017
9	Coliform*	MPN/100mL	2.600	2	3:000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Bùi Mạnh Hiệp

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Thái Sanh Bảo Huy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



VILAS 444

Số : 448-06/21-5.13 / KQPT

Tp.HCM, ngày 23 tháng 06 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN SÀI GÒN BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Số 39, đường Hồ Văn Cống, ấp 4, xã Tương Bình Hiệp, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian gửi mẫu : 16/06/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sau HTXL

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 28: 2010/BTNMT (CỘT A)	Phương pháp phân tích
1	pH*** (25,1 ⁰ C)	-	6,55	2 ÷ 12	6,5 - 8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	21	5,0	50	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	30	2,0	50	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	13	1,0	30	TCVN 6001-1:2008
5	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	5,13	0,013	30	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
6	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)**	mg/L	0,77	0,011	6	TCVN 6202: 2008
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	2,19	0,011	5	TCVN 6179-1:1996
8	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	2,2	0,3	10	SMEWW 5520.B& F: 2017
9	Coliform*	MPN/100mL	1.400	2	3.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

(***): Chỉ tiêu đã được Vilas công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

1/2

Số : 735-10/21-1.8 / KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 11 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN SÀI GÒN BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Số 39, đường Hồ Văn Cống, ấp 4, xã Tương Bình Hiệp, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu: 25/10/2021

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, tiếng ồn

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ỒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)
1.Khu vực cổng bảo vệ	68	32,1	66,7
Giới hạn tối đa cho phép trong khu vực công cộng và dân cư (QCVN26:2010/BTNMT)	Từ 6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ : 55	-	-
2.Khu vực lâm sàn	70	28,4	60,2
3. Khu vực cấp cứu	65	26,8	59,4
4. Khu vực phẫu thuật – hậu phẫu	61	23,1	64,7
QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Số : 735-10/21-1.8 / KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 11 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN SÀI GÒN BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Số 39, đường Hồ Văn Cống, ấp 4, xã Tương Bình Hiệp, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu: 25/10/2021

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	CO*	SOP_K01-LM	SOP_K01-PT	0,044 mg/m ³
3	SO ₂ *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971: 1995	0,0085 mg/m ³
4	NO ₂ *	TCVN 6137: 2009	TCVN 6137:2009	0,0046 mg/m ³
5	Hydrocarbons (THC)*	NIOSH Method 1500	NIOSH Method 1500	0,030 mg/m ³
6	H ₂ S*	MASA 701	MASA 701	0,0047 mg/m ³
7	NH ₃ *	TCVN 5293: 1995	TCVN 5293:1995	0,0067 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi	CO	SO ₂	NO ₂	NH ₃	H ₂ S	THC
	(mg/m ³)						
1.Khu vực cổng bảo vệ	0,15	2,23	0,041	0,030	KPH	KPH	3,08
Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05 : 2013/BTNMT) (QCVN 06 : 2009/BTNMT)	0,3	30	0,35	0,2	0,20	0,042	-
2.Khu vực lâm sản	0,42	2,05	0,067	0,037	KPH	KPH	8,11
3. Khu vực cấp cứu	0,55	1,87	0,059	0,041	KPH	KPH	8,53
4. Khu vực phẫu thuật – hậu phẫu	0,38	1,73	0,041	0,032	KPH	KPH	4,29
QCVN 02:2019/BYT ^(a) QCVN 03:2019/BYT ^(a)	6,25	15,625	3,90625	3,90625	13,28125	7,8125	234,375

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy



**KT: GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

2/4



**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 834-12/21-1.11 / KQPT

Tp.HCM, ngày 09 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN SÀI GÒN BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Số 39, đường Hồ Văn Cống, ấp 4, xã Tương Bình Hiệp, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu: 02/12/2021

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, tiếng ồn

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ỒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)
1.Khu vực cổng bảo vệ	63	32,5	68,1
Giới hạn tối đa cho phép trong khu vực công cộng và dân cư (QCVN26:2010/BTNMT)	Từ 6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ : 55	-	-
2.Khu vực lâm sản	65	27,3	71,2
3. Khu vực cấp cứu	60	27,1	70,9
4. Khu vực phẫu thuật - hậu phẫu	58	23,8	73,5
QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 834-12/21-1.11 / KQPT

Tp.HCM, ngày 09 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN SÀI GÒN BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Số 39, đường Hồ Văn Cống, ấp 4, xã Tương Bình Hiệp, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu: 02/12/2021

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	CO*	SOP_K01-LM	SOP_K01-PT	0,044 mg/m ³
3	SO ₂ *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971: 1995	0,0085 mg/m ³
4	NO ₂ *	TCVN 6137: 2009	TCVN 6137:2009	0,0046 mg/m ³
5	Hydrocarbons (THC)*	NIOSH Method 1500	NIOSH Method 1500	0,030 mg/m ³
6	H ₂ S*	MASA 701	MASA 701	0,0047 mg/m ³
7	NH ₃ *	TCVN 5293: 1995	TCVN 5293:1995	0,0067 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi	CO	SO ₂	NO ₂	NH ₃	H ₂ S	THC
	(mg/m ³)						
1.Khu vực cổng bảo vệ	0,11	1,86	0,029	0,016	KPH	KPH	5,13
Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05 : 2013/BTNMT) (QCVN 06 : 2009/BTNMT)	0,3	30	0,35	0,2	0,20	0,042	-
2.Khu vực lâm sàn	0,32	3,21	0,075	0,042	KPH	KPH	6,57
3. Khu vực cấp cứu	0,38	3,25	0,068	0,039	KPH	KPH	6,21
4. Khu vực phẫu thuật – hậu phẫu	0,29	3,19	0,055	0,033	KPH	KPH	5,83
QCVN 02:2019/BYT ^(a) QCVN 03:2019/BYT ^(a)	6,25	15,625	3,90625	3,90625	13,28125	7,8125	234,375

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy

**K.T. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

2/4



**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



VILAS 444

Số : 834-12/21-1.11 / KQPT

Tp.HCM, ngày 09 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN SÀI GÒN BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Số 39, đường Hồ Văn Cống, ấp 4, xã Tương Bình Hiệp, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu: 02/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sau HTXL

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 28: 2010/BTNMT (CỘT A)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH* (30,8°C)	-	6,93	2 ÷ 12,5	6,5 - 8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	32	5,0	50	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	47	2,0	50	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	22	1,0	30	TCVN 6001-1:2008
5	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	9,14	0,013	30	SMEWW 4500-NO ₃ -E:2017
6	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)**	mg/L	1,36	0,011	6	TCVN 6202: 2008
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	3,79	0,011	5	TCVN 6179-1:1996
8	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,5	0,3	10	SMEWW 5520.B&F: 2017
9	Coliform*	MPN/100mL	2.700	2	3.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

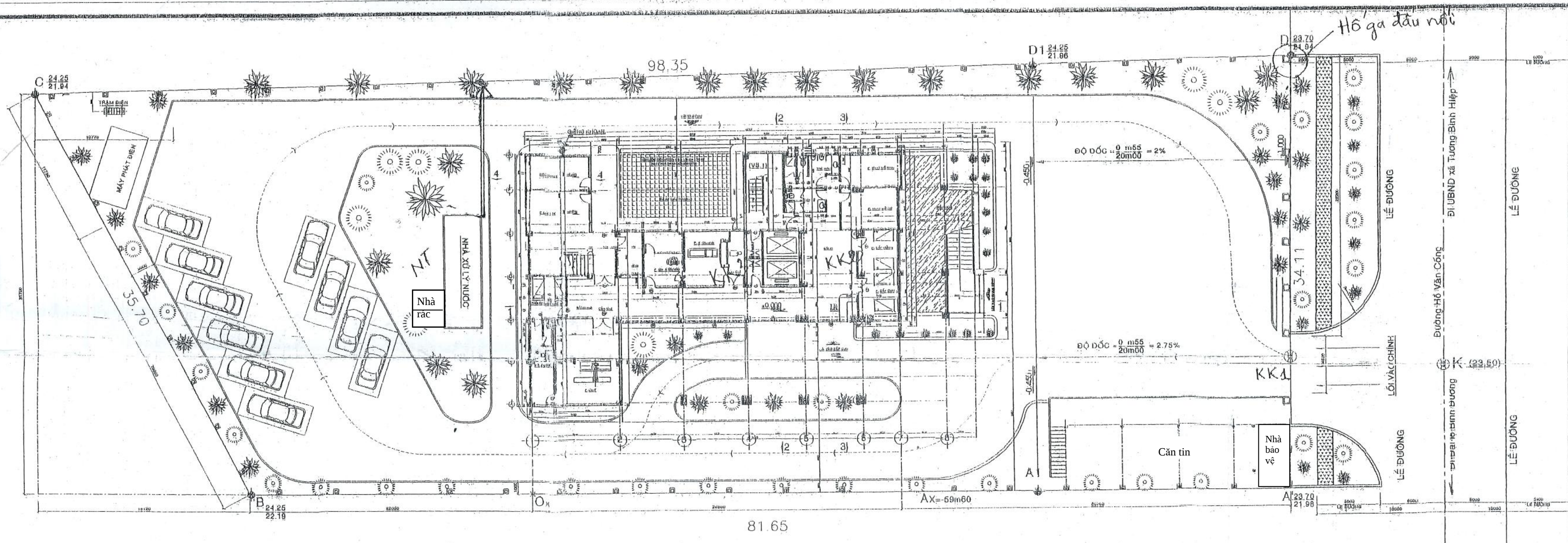
**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



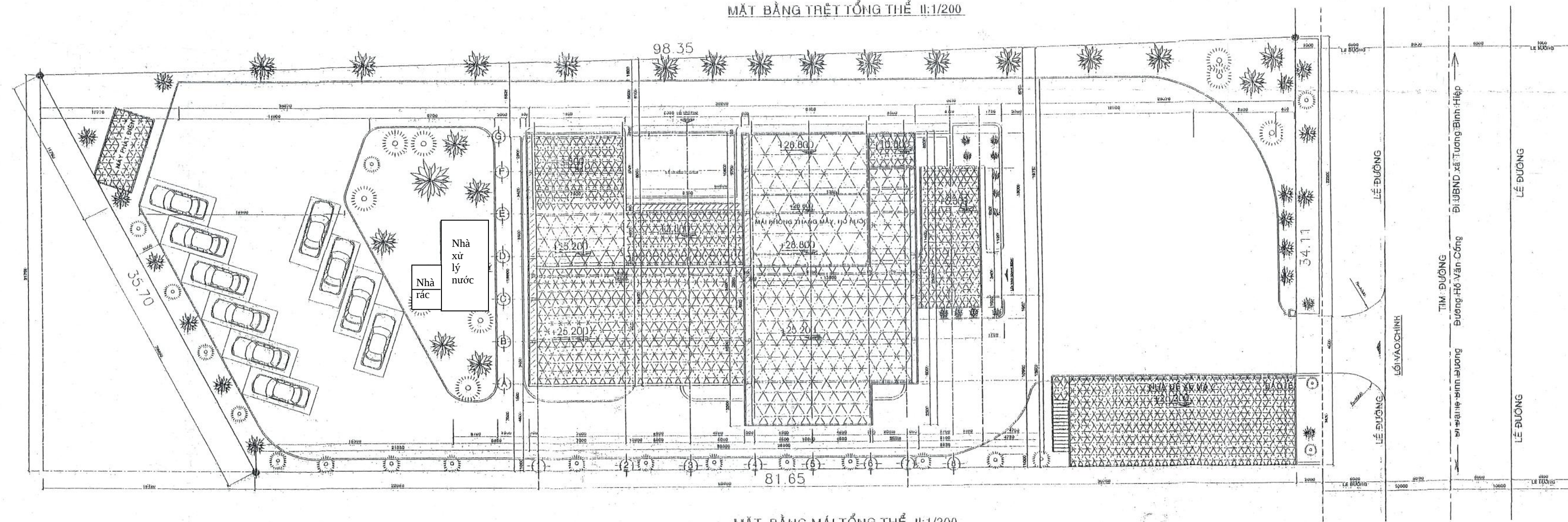
ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

3/4

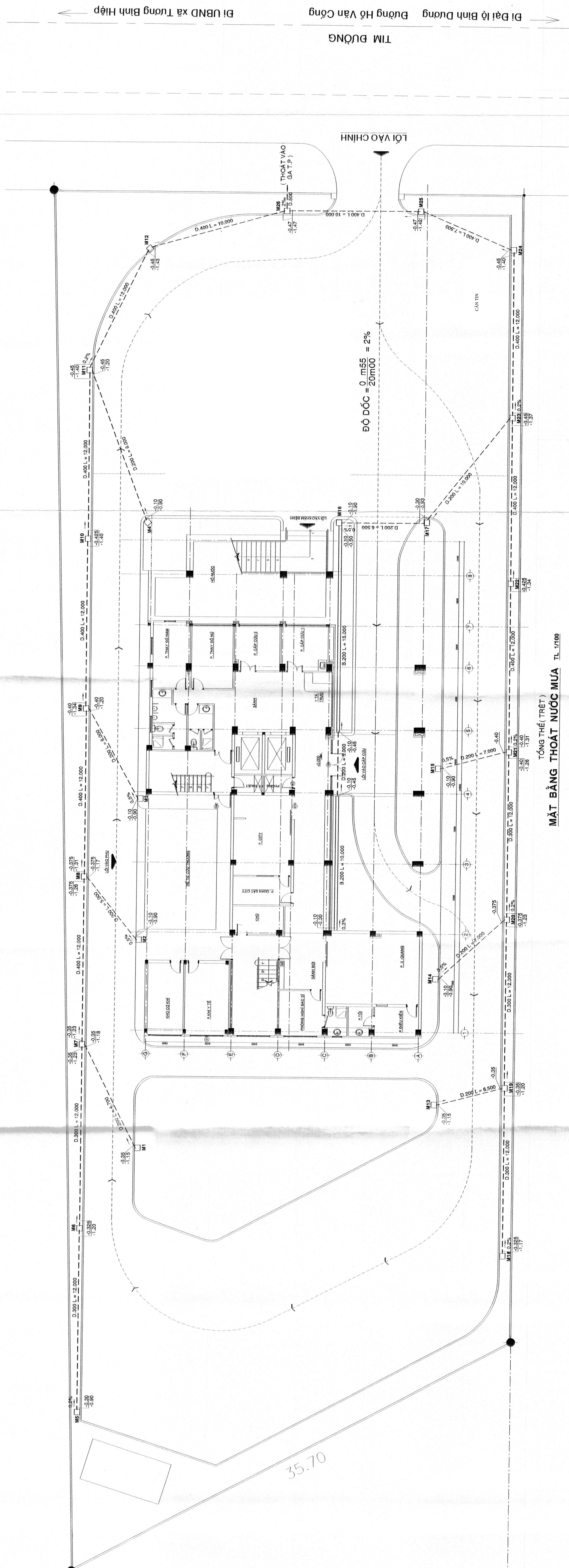


MẶT BẰNG TRỆT TỔNG THỂ 1:1/200



MẶT BẰNG MÁI TỔNG THỂ 1:1/200

BẢN VẼ HOÀN CÔNG CÔNG TRÌNH: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỰ NHÂN Á CHÂU HẠNG MỤC: KHỐI NHÀ CHÍNH		NGÀY HOÀN CÔNG
		16 - 08 - 2009
NGƯỜI VẼ	ĐƠN VỊ GIÁM SÁT	ĐƠN VỊ THI CÔNG
HỒ VĂN LAM		
MẶT BẰNG TRỆT, MÁI TỔNG THỂ		HC KT 01



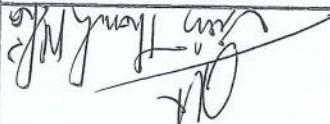
TỔNG THỂ (TRỆT)

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TL 1/100

Ngày.....tháng.....năm.....

AB

Chủ đầu tư:



CÔNG TY TNHH TM & DV TÂN VIỆT MỸ

Đơn vị thi công:

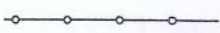
BÀN VẼ HOÀN CÔNG

Công trình:.....

The diagram illustrates the layout of a wastewater treatment plant. It features several rectangular tanks labeled B01 through B06, and a large circular tank B07. B07 is connected to a pump assembly BO02. A control panel TD01 is shown with various gauges and switches. Aeration equipment AB02-A/B is connected to the system. Flow lines with arrows indicate the direction of wastewater movement. Elevation markers of ± 0.00 are shown at the inlet and outlet points. The title 'SƠ BỘ CÔNG NGHỆ' is prominently displayed at the bottom.

B01: BẾ TIẾP NHÂN	HC01:	BỘN DỪNG DỪNG DỊCH HOÀ CHẤT
B02: BẾ ĐIỀU HOÀ	DP1-A/B:	BỘM BÌNH LỬNG HOÀ CHẤT
B03: BẾ LỘC SINH HỌC	P01-A/B:	BỘM CHÌM NƯỚC THẢI
B04: BẾ LĂNG	P02:	BỘM BỪN
B05: BẾ CHỮA TRUNG GIẢN	TD01:	TỰ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN
B06: BẾ KHỬ TRÙNG	B002:	BỘM DÂY LỘC
B07: BẾ LỘC ẠP LỰC	S001:	SỐT CHẶN RÁC
B08: BẾ NÉN BỪN		

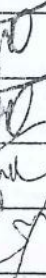
SỐ 1: SỞ CHĂN RÁC



— KH — KH — KH —
Đường dân khí

Đường nước

_____ **Buong hoa chat**

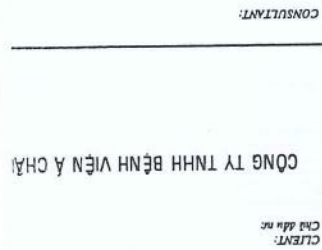
DATE: _____ Ngày học: _____		SỞ ĐỒ CÔNG NGHỆ	
DRAWING TITLE: _____ Tên bản vẽ: _____		TK.KTTC	
CONTRACT: _____ No.: _____		DESIGN TYPE: _____ No.: _____	
STATE: _____ VỊ TRÍ: _____			
HỆ THÔNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT : 30 M3/DAY			
Công trình: _____ PROJECT TITLE: _____			
VƯỜN THANH NHÃ VỊ: _____ DRAWER: _____ VƯỜN THANH NHÃ THỜI KÌ: _____ DESIGNER: _____ TRẦN THỊ MỸ DUNG Chủ đầu tư: _____ KAJOR ARCH: _____ HƯA PHÚ ĐOÀN Giám Đốc: _____ DIRECTOR: _____			
Email: doanvnm@hcm.vnn.vn Web: www.lavietmy.com Add: 3312 Đường Ba Trắc Str. - Ward 1 - Dist. 8 - HCMC Tel : 84-8-9512013 - 84-8-9512019 Fax: 84-8-955894			
 			
TRADING AND SERVICE CO., LTD TAP VIET MY CONTRACTOR: _____			
CONSULTANT: _____			
CLIENT: _____ Chủ đầu tư: _____ CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN A CHAU			
NOTES: _____ Chỗ 9: _____			

CONTRACT:		DESIGN TYPE:	TK.KTTC
DRAFTING TITLE:		Tên bản vẽ:	
1	1	-	1
DATE:		Ngày tạo:	

	DIRECTOR: Ông Bặc
	MAJOR ARCH: Chai nh
	TRẦN THỊ MỸ DUNG
	DESIGNER: TRẦN M.
	DRAFTSMAN: VÂN
	VIÊN THANH NHÃ
PROJECT TITLE: Công trình:	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT : 30 M3/DAY	
SITE:	

TAN VIET MY
TRADING AND SERVICE CO., LTD

CONTRACT NO. 0265-5

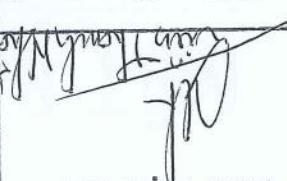


MẬT BẢNG CỤM BẾ XỬ LÝ

Chữ đầu tư: 

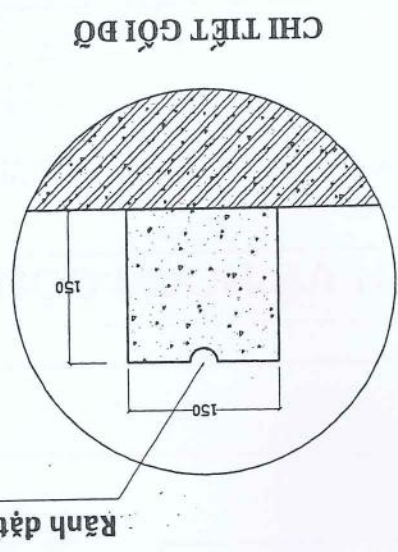
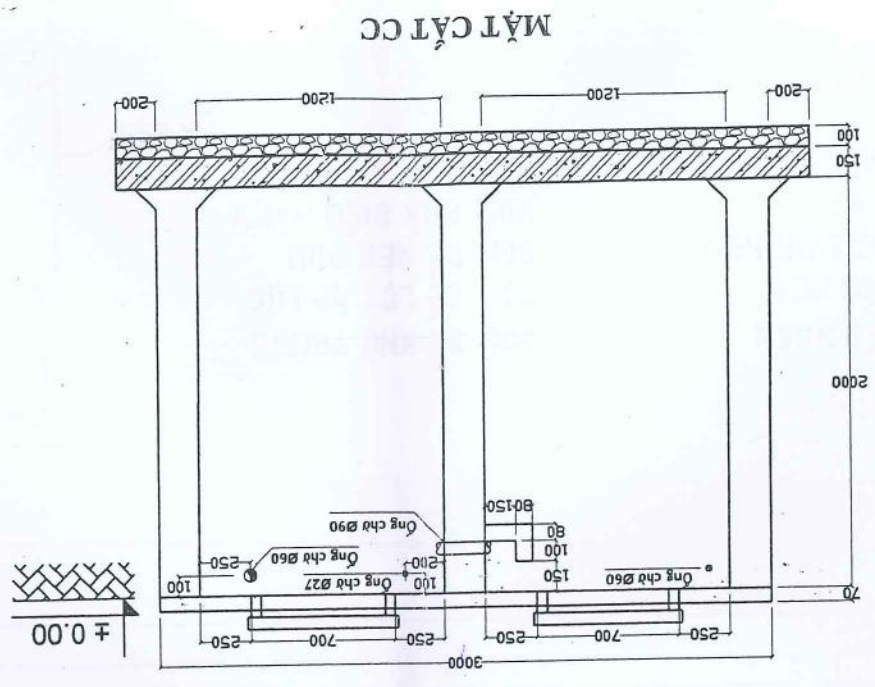
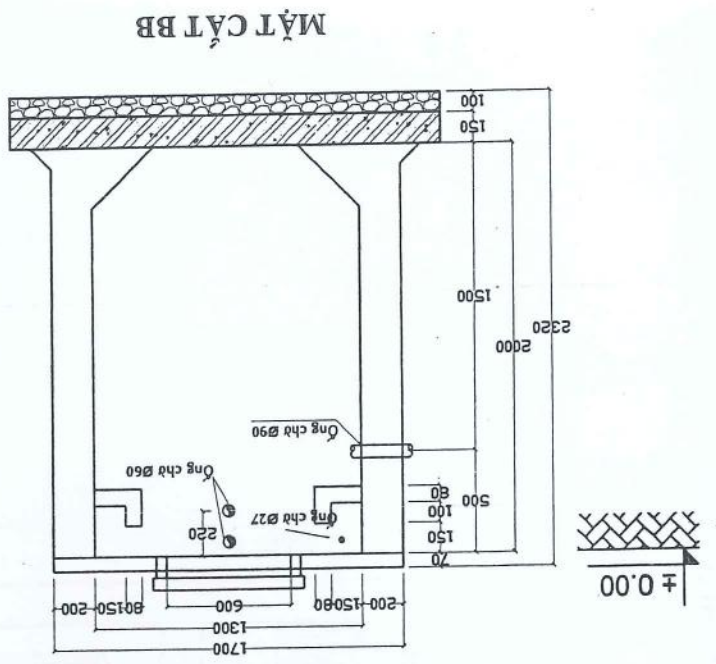
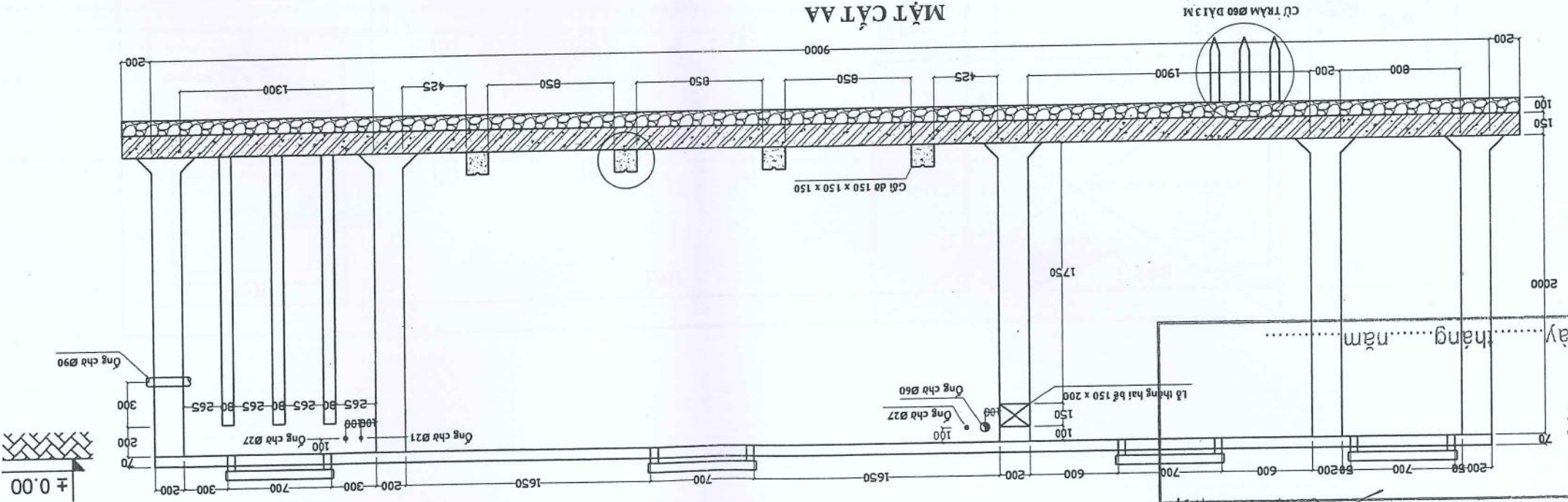
Đơn vị thi công: CÔNG TY TNHH TM & DV TÂN VIỆT MỸ

Công trình: **BÀN VỆ HOÀN CÔNG**

Công trình: BÀN VẼ HOÀN CÔNG	
Đơn vị thi công: CÔNG TY TNHH TM & DV TÂN VIỆT MỸ	
Ngày: tháng năm Chủ đầu tư:	

MẶT CÁT XÂY DỰNG BẬT ỒNG CHỜ

- Tường đổ bê tông cốt thép M250
 - Trát vữa xi măng M75 dày 20mm
 - Quét 3 nước Flinlake
 - Quét 2 nước xi măng
 - Dây BTCT dâ 1x2 M200 dày 150
 - Lót dâ BT dâ 4x6 M100, dày 100
 - Bông cừ trâm Ø60, L = 3 m,
 tỷ lệ cừ trâm phụ thuộc vào địa chất vùng

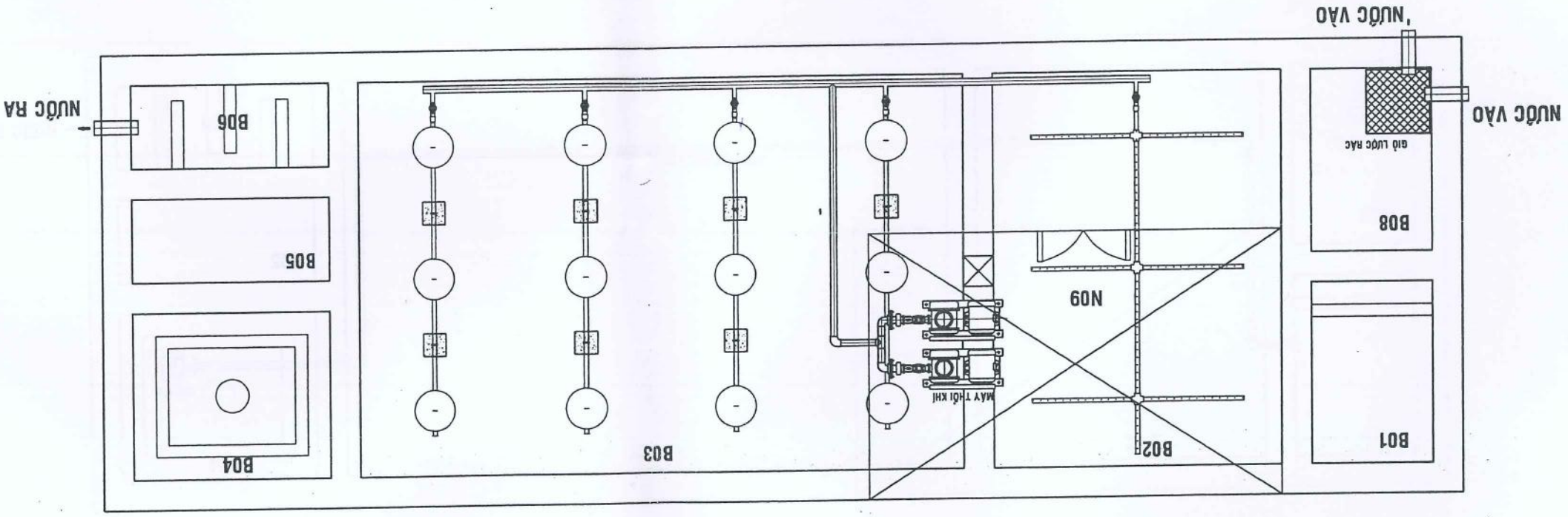


Add: 3372 Đường Bà Trác Str. - Ward 1 - Dist. 8 - HCMC Tel: 84-8-8512013 - 84-8-8512019 Fax: 84-8-8556981 Email: doanvnh@tanvietmy.vn Web: www.tanvietmy.com	
DIRECTOR: HỮA PHÚ ĐOÀN	MAJOR ARCH: TRẦN THỊ MỸ DUNG
DESIGNER: VIÊN THANH NHÃ	DRAWER: VIÊN THANH NHÃ
PROJECT TITLE: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT: 30 M3/DAY	
CONTRACT: TK.KTTC	
DRAWING TITLE: MẶT CÁT XÂY DỰNG BẬT ỒNG CHỜ	

CLIENT: CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN A CH	CONSULTANT: CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN A CH
--	--

CHỈ 3:
 NOTES:

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ



- GHI CHÚ:
- B01: BỂ TIẾP NHẬN
 - B02: BỂ ĐIỀU HOÀ
 - B03: BỂ LỌC SINH HỌC
 - B04: BỂ LẠNG
 - B05: BỂ CHỨA TRUNG GIAN

- B06: BỂ KHỬ TRÙNG
- B07: BỂ LỌC ÁP LỰC
- B08: BỂ NÉN BÙN
- N09: NHÀ ĐIỀU HÀNH

Công trình: **BÀN VẼ HOÀN CÔNG**

Đơn vị thi công: **CÔNG TY TNHH TM & DV TÂN VIỆT MỸ**

Chủ đầu tư: *[Signature]*

Ngày: tháng năm

NOTES:

CLIENT: **CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN A CHẢI**

CONSULTANT:

CONTRACTOR: **TÂN VIỆT MỸ TRADING AND SERVICE CO., LTD**

Stamp: **TÂN VIỆT MỸ**

Address: 3372 Đường Bà Trạc Sĩ, Ward 1, District 8, HCMC
Tel: 84-8-8512013, 84-8-8512019 Fax: 84-8-8568992
Email: doantv@bctm.vn.vn Web: www.tanvietmy.com

DIRECTOR: *[Signature]*
CHIEF ARCH: *[Signature]*
CHIEF ME: *[Signature]*
TRẦN THỊ MỸ DUNG
DESIGNER: *[Signature]*
THIẾT KẾ: *[Signature]*
VIỆN THANH NHÃ
DRAWER: *[Signature]*
VẼ: *[Signature]*
VIỆN THANH NHÃ
PROJECT TITLE: **HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
CÔNG SUẤT: 30 M3/DAY

SITE: *[Signature]*

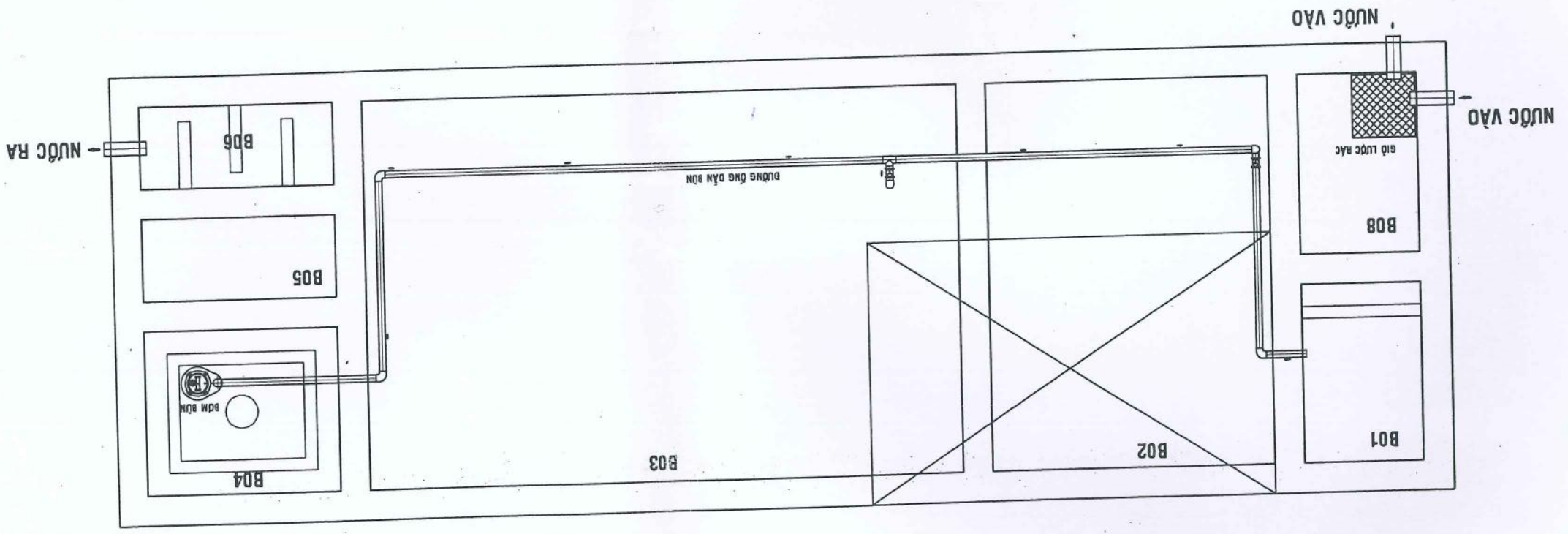
CONTRACT: **DESIGN TYPE: TK.KTTC**

DRAWING TITLE: **MẶT BẰNG CUM BỂ**

DATE: **1/1/2019**

Ngày soạn: **1/1/2019**

MẶT BẰNG BỒ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN



- GHI CHÚ:
- B01: BỂ TIẾP NHẬN
 - B02: BỂ ĐIỀU HOÀ
 - B03: BỂ LỌC SINH HỌC
 - B04: BỂ LẮNG
 - B05: BỂ CHỨA TRUNG GIAN
 - B06: BỂ KHỬ TRÙNG
 - B07: BỂ LỌC ÁP LỰC
 - B08: BỂ NÉN BÙN
 - N09: NHÀ ĐIỀU HÀNH

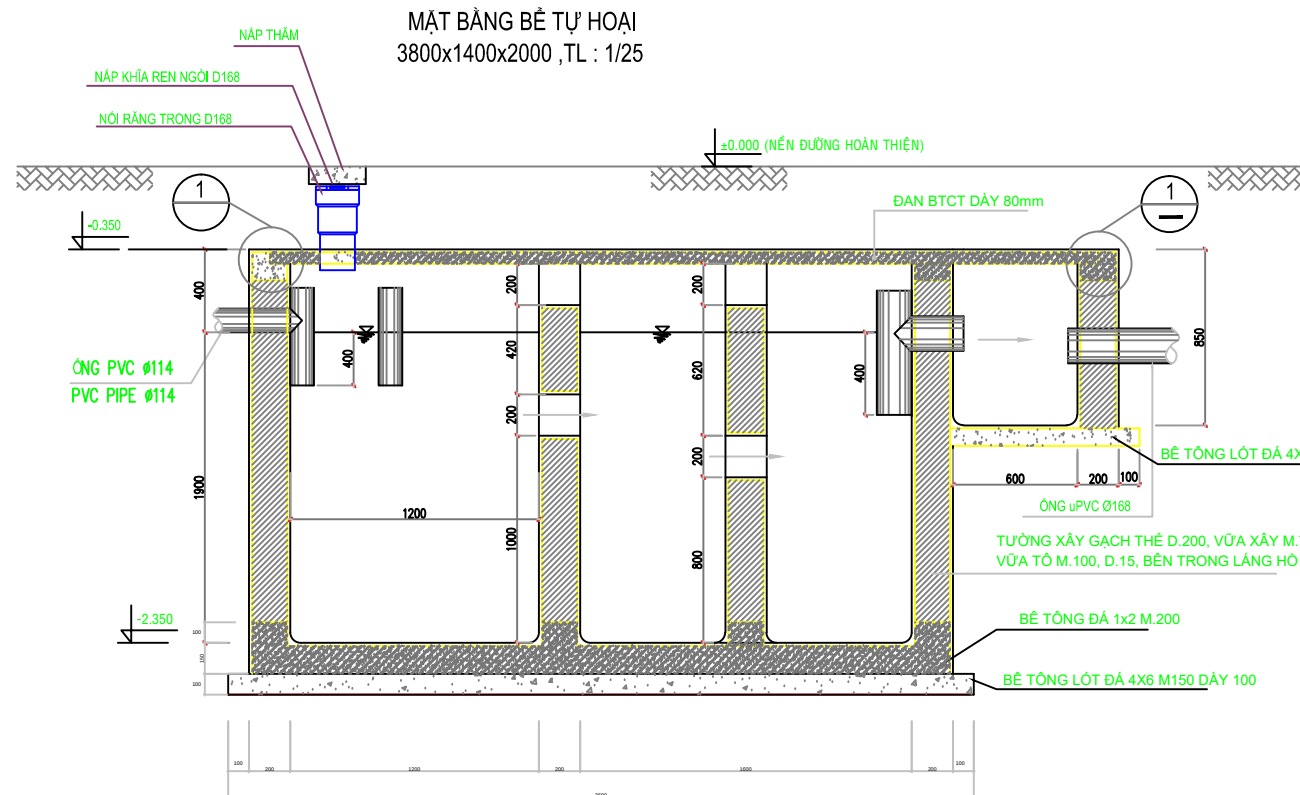
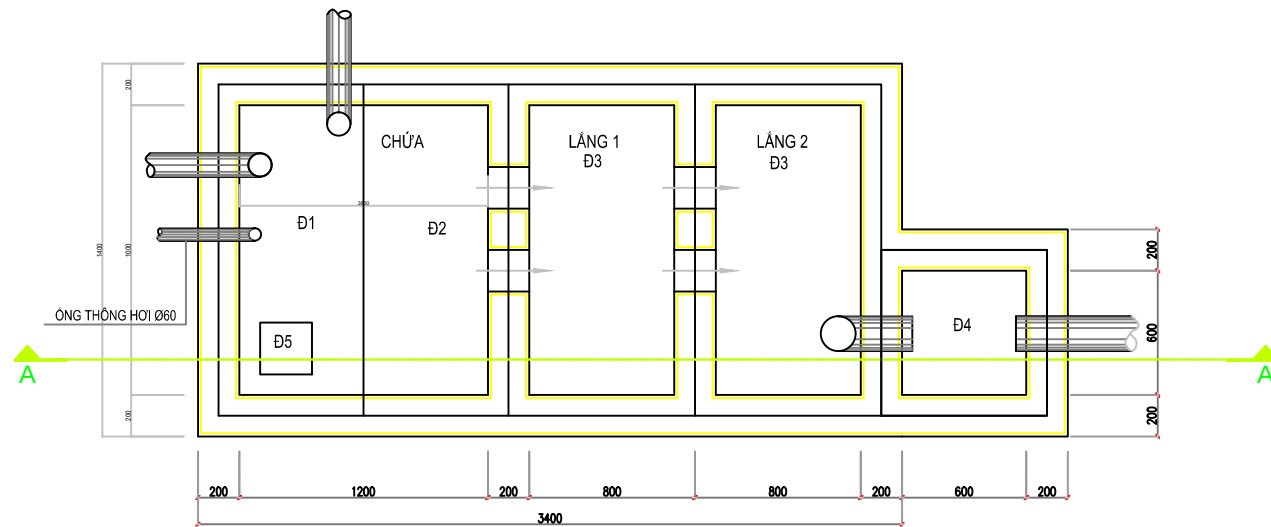
Công trình: **BÀN VẼ HOÀN CÔNG**

Đơn vị thi công: **CÔNG TY TNHH TM & DV TÂN VIỆT MỸ**

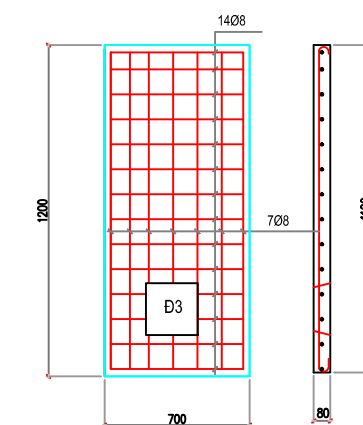
Chủ đầu tư: *[Signature]*

Ngày: tháng năm

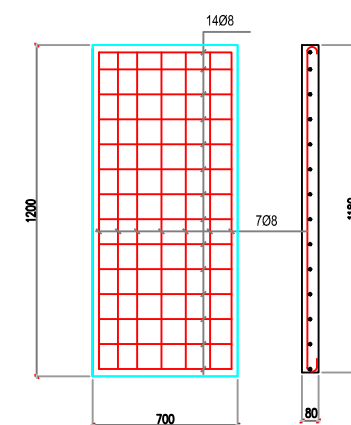
NOTES:	
CLIENT: CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN A CHẢI	
CONSULTANT:	
Contractor: TÂN VIỆT MỸ TRADING AND SERVICE CO., LTD. THUỐC MÃN-DỊCH VỤ QUẬN TÂY HỒ CHÍ MINH	
Address: 3172 Đường Ba Trắc Sơn - Ward 1 - District 8 - HCMC Tel: 84-8-8512013 - 84-8-8512019 Fax: 84-8-8557 91 Email: danvym@hcm.vn.vn Web: www.tanvietmy.com	
DIRECTOR: <i>[Signature]</i>	Chief Engineer: <i>[Signature]</i>
DESIGNER: <i>[Signature]</i>	Chief Architect: <i>[Signature]</i>
THAI KI:	Chief Engineer: <i>[Signature]</i>
VIỆN THANH NHẢY	Chief Engineer: <i>[Signature]</i>
VIỆN THANH NHẢY	Chief Engineer: <i>[Signature]</i>
PROJECT TITLE: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT: 30 M3/DAY	
SHEET: 01	
CONTRACT: TR.K.TTC	
DRAWING TITLE: MẶT BẰNG CỤM BỂ	
DATE: Ngày soạn	



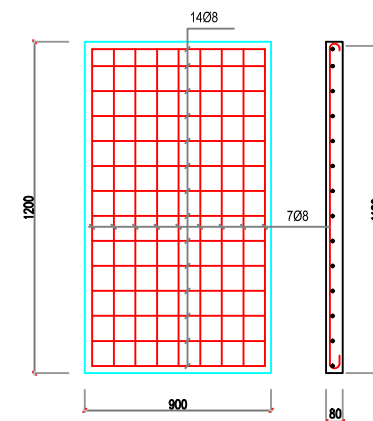
MẶT CẮT A-A TL : 1/25



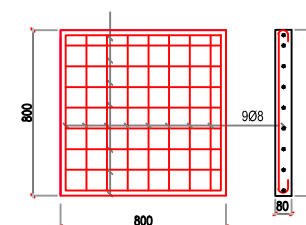
HỒ ĐAN KT Đ1 1200x700x80 SL : 1 Tấm



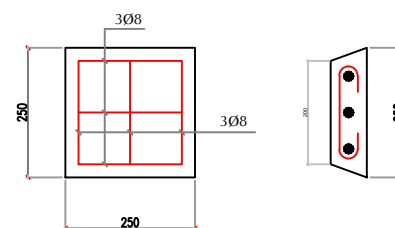
HỒ ĐAN KT Đ2 1200x700x80 SL : 1 Tấm
TL :1/25



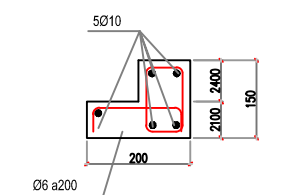
HỒ ĐAN KT Đ3 1200x900x80 SL : 2 Tấm
TL :1/25



CHI TIẾT ĐAN Đ4 TL :1/10
ĐAN KT 800x800x80 SL :2 TẤM



CHI TIẾT ĐAN Đ5 TL :1/10
ĐAN KT 250x250x80 SL :1 TẤM



CHI TIẾT 1 TL :1/10

BỂ TỰ HOẠI

ĐƠN VỊ THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ
XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI KIẾN ĐÚC

ĐƠN VỊ GIÁM SÁT:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - XÂY DỰNG PHÚ CƯỜNG

04		
03		
02		
01		

STT REV	NỘI DUNG SỬA DESCRIPTION OF REVISION	NGÀY SỬA DATE

CÔNG TRÌNH :
PROJECT
BỂ TỰ HOẠI

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN SÀI GÒN
INVESTOR BÌNH DƯƠNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ :

GENERAL DIRECTOR:

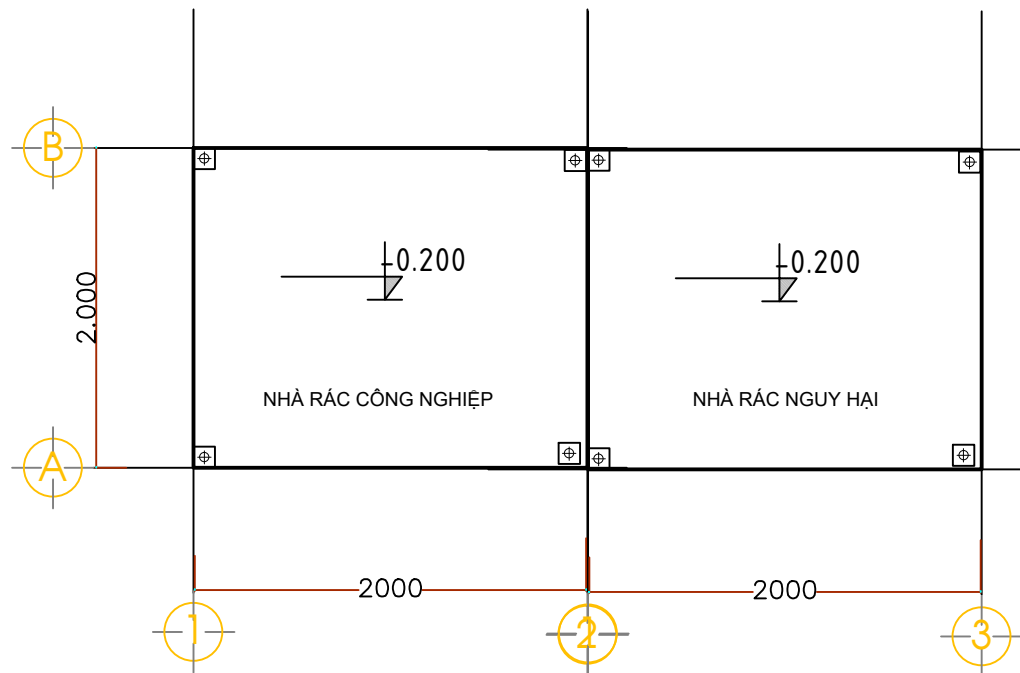
CHIEF DESIGN TL :1/25

DESIGN

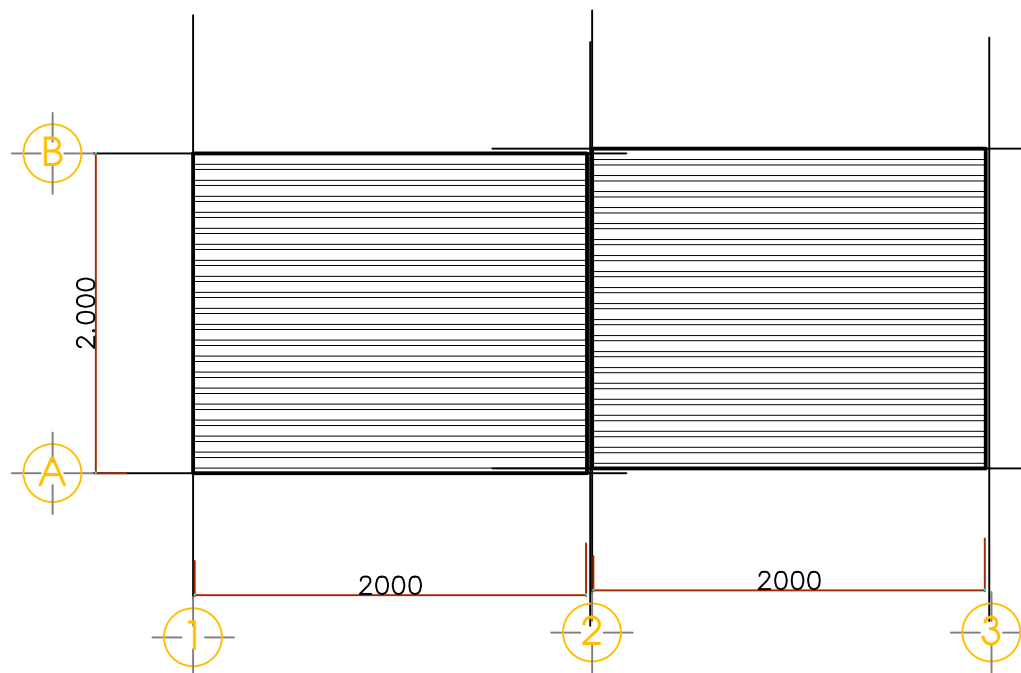
CHECKED

ITEM

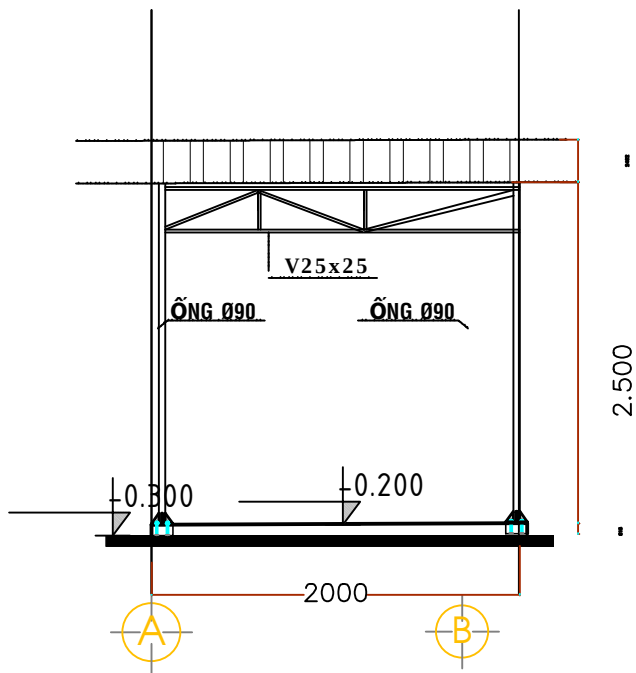
DRAWING TITLE



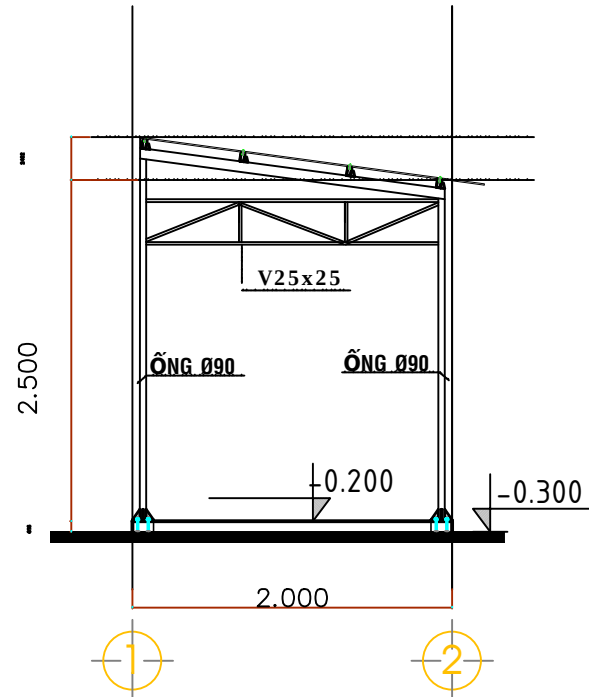
MẶT BẰNG NHÀ CHỨA RÁC
----TL 1/100----



MẶT BẰNG MÁI
----TL 1/100----



MẶT ĐỨNG TRỤC A-B
----TL 1/100----



MẶT ĐỨNG TRỤC 1-2
----TL 1/100----

ĐƠN VỊ THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ
XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI KIẾN ĐỨC

ĐƠN VỊ GIÁM SÁT:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - XÂY DỰNG PHÚ CƯỜNG

04		
03		
02		
01		
STY REV	NỘI DUNG SỬA DESCRIPTION OF REVISION	NGÀY SỬA DATE

CÔNG TRÌNH :
PROJECT
NHÀ RÁC
LOCATION
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN SÀI GÒN
INVESTOR
BÌNH DƯƠNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ :

GENERAL DIRECTOR:

CHIEF DESIGN
TL :1/25

DESIGN

CHECKED

ITEM

DRAWING TITLE